

Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm

Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương Phần 2

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Địa điểm: Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Đài Loan,
Tháng Ba năm 1997
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Minh Tiến và Huệ Trang

Tập thứ ba (12-03-03)

Xin giờ cuốn kinh, trang thứ sáu. Xin đọc kinh văn trong trang thứ sáu:

Thời Cát Tường Vân tỳ-kheo cáo Thiện Tài ngôn: "Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ dĩ năng phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, thị sự vi nan. Phục năng thỉnh vấn hành Bồ Tát hạnh, nan trung chi nan".

時吉祥雲比丘告善財言，善哉善哉，善男子，汝已能發阿耨多羅三藐三菩提心，是事為難。復能請問行菩薩行，難中之難。

(Khi ấy, tỳ-kheo Cát Tường Vân bảo Thiện Tài rằng: "Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Ông đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đấy là chuyện khó. Lại còn có thể thưa hỏi hành Bồ Tát hạnh, đấy là chuyện khó nhất trong những chuyện khó").

Kinh văn từ chỗ này trở đi là lời thiện hữu tán thán và truyền dạy pháp môn. Đáp ứng lời khái thỉnh của Thiện Tài, trước khi truyền pháp, [thiện tri thức] nhất định phải tán thán Thiện Tài. Nói thật ra, lời tán thán này cũng nhằm để khuyến khích, khích lệ mọi người chúng ta, mà cũng là lời căn dặn Thiện Tài phải tự trân trọng. Bởi lẽ, phát tâm quá khó, nhất là sau khi đã phát tâm lại còn chịu ham học. Đấy là hai sự khó khăn mà Ngài đều có thể trọn đủ. Đấy mới đáng gọi là pháp khí trong Phật môn, có năng lực, có đủ điều kiện để tiếp nhận sự truyền pháp của thiện tri thức. "A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề" trong phần trước, tôi đã giảng quá nhiều rồi, tuy giảng rất nhiều, nhưng trong bộ kinh này, câu này được lặp lại mấy trăm lượt. Mỗi một lần tham học trong năm mươi ba lần tham học, chúng ta đều có thể thấy câu này đôi ba lượt, đủ thấy câu này vô cùng trọng yếu.

Ở chỗ này, đức Thế Tôn không ngừng nhắc nhở chúng ta: Cái tâm ấy quả thật khó phát! Tuy đã phát được, nhưng chỉ trong chớp mắt lại quên tuốt, phát đó, quên đó, đấy gọi là "*lộ thủy đạo tâm*" (đạo tâm như nước trong một giọt sương), chẳng đáng coi là pháp khí. Cũng có thể nói là không có năng lực, không đủ điều kiện để tiếp nhận đại pháp của Như Lai! Đấy là sự thật. Nếu là người thật sự phát đạo tâm, thân tâm cảnh giới của người ấy có thể nói là sẽ đại chuyển biến 180 độ. Chúng ta phát tâm mà tâm thái của chúng ta chẳng chuyển biến gì hết! Hễ thật sự phát tâm thì sẽ chuyển biến liền. Vì sao nói người ấy có sự chuyển biến lớn lao như vậy? Là vì phàm phu và thánh nhân sai biệt chỉ trong một ý niệm này. Ý niệm đã chuyển thì tướng mạo sẽ chuyển. Ý niệm đã chuyển thì thể chất sẽ chuyển, cảnh giới cũng đồng thời xoay chuyển, đấy là đạo lý nhất định! Trong kinh luận, đức Phật thường dạy chúng ta: "*Cảnh tùy tâm chuyển*" (Cảnh chuyển theo tâm). Dung mạo, thể chất của chúng ta đều thuộc về cảnh. Hễ phát Bồ Đề tâm thì không còn là phàm phu nữa!

Từ kinh điển chúng ta thấy rằng Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật đều không phát Bồ Đề tâm, Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng thể phát Bồ Đề tâm. Thế nhưng quý vị phải hiểu rõ một điều: Người niệm Phật nếu không phát Bồ Đề tâm sẽ chẳng thể vãng sanh! Chúng ta phải đặc biệt lưu ý điểm này! Quý vị thấy Tam Bối Vãng Sanh (Ba bậc vãng sanh) trong Vô Lượng Thọ Kinh, điều kiện vãng sanh đều giống hệt nhau: "*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật*". Thượng Bối có điều kiện này, mà Trung Bối, Hạ Bối vẫn có điều kiện này. Chúng ta chẳng thể coi thường! Vậy thì thế nào là phát Bồ Đề tâm? Muốn nói rõ ra sẽ rất khó, hễ nói thì rất khó thể nào nói cho rõ ràng, muốn nghe cho hiểu, muốn nghe cho hiểu rõ rệt, đương nhiên cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Vậy thì vì sao rất nhiều người chẳng hiểu giáo lý nhưng niệm A Di Đà Phật vẫn được vãng sanh? Giống như pháp sư Đàm Hư đã kể cho chúng ta nghe: Một đồ đệ của pháp sư Đế Nhàn khi pháp sư còn trẻ, xuất thân là thợ vá nôi, một chữ cũng không biết, niệm Phật được ba bốn năm, đứng vãng sanh. Ông ta sống trong một ngôi miếu nhỏ trong làng. Có người báo tin cho cụ Đế Nhàn, nói: "Đồ đệ của thầy đã đứng vãng sanh rồi!" Ngày hôm sau, lão nhân gia mới ngồi thuyền, từ Kim Sơn ngồi thuyền đến Ôn Châu cũng mất hai ba ngày. Đồ đệ của Sư vẫn đứng sừng sững hai ba ngày đợi sư phụ đến lo liệu hậu sự. Nếu chúng ta hỏi: "Ông ta có phát Bồ Đề tâm hay chẳng?" Có phát! Vì chẳng phát Bồ Đề tâm, làm sao có thể vãng sanh? Nếu quý vị hỏi ông ta: "Bồ Đề tâm là gì?" Ông ta không biết, ông ta chẳng hiểu Bồ Đề tâm là cái gì! Nhưng ông ta thật sự phát Bồ Đề tâm! Bồ Đề tâm là tâm triệt để giác ngộ. Ông ta giác ngộ điều gì? Giác ngộ cõi nhân gian

khổ sở. Hồi còn sống, ông ta là kẻ rất khổ não, cuộc sống hết sức vất vả, đối với thế gian này trọn chẳng lưu luyến mảy may nào, một tí ti vướng mắc cũng đều chẳng có; nhất tâm nhất ý mong ngóng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là Bồ Đề tâm.

Chúng ta làm được hay chẳng? Đích thực là chúng ta vướng mắc quá nhiều chuyện; do vậy, tâm chúng ta chẳng phải là Bồ Đề tâm, còn tâm ông ta thật sự là Bồ Đề tâm. Tâm ông ta thanh tịnh, tất cả những ô nhiễm trong thế gian này ông ta đều chẳng có. Lão hòa thượng dạy ông ta một câu Nam Mô A Di Đà Phật, điều gì cũng đều không giảng giải, bảo ông ta: “Ông cứ thật thà niệm, niệm mệt bèn nghỉ, nghỉ khỏe khoắn xong lại niệm. Cứ niệm miết như thế, chớ nên xen tạp, đừng hoài nghi, đừng nên gián đoạn”. Ba điều kiện ấy ông ta đều làm được. Không gián đoạn là ông ta niệm mệt bèn nghỉ, điều này không kể, điều này không tính là gián đoạn, ông ta nghỉ ngơi thôi mà! Hết tỉnh giấc lại niệm tiếp A Di Đà Phật. Đây là không gián đoạn. Chứ không phải là bảo ông ta đêm ngày không nghỉ ngơi, điều này người bình thường chẳng thể làm được đâu! Mệt rồi thì nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe khoắn xong lại niệm. Do ông ta thật sự làm được, “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, đây là tấm gương vô cùng tốt cho chúng ta.

Một câu Phật hiệu niệm đến cùng cực, thời gian trọn chẳng dài cho lắm, ba bốn năm liền biết trước lúc mất, đứng sững vãng sanh. Người như vậy rất hiếm có, phát tâm khó lắm! Sau khi phát tâm lại chịu thật sự làm, người thợ vá nồi ấy hằng ngày niệm Phật, niệm mệt bèn nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại niệm, đây chính là hành Bồ Tát hạnh, khó khăn nhất trong những sự khó. Ông ta không ra khỏi cửa, giống như người ta thường nói là “bế quan” vậy! Ông ta không thật sự bế quan, chúng ta thường gọi là “phương tiện quan”. Nói cho đúng, ông ta không ra khỏi cửa lớn, một mình ở trong một ngôi miếu nát, thật thà niệm một câu A Di Đà Phật, ông ta thành công. Ông ta thành tựu trọn chẳng kém những vị thiện tri thức Pháp Thân đại sĩ trong năm mươi ba lần tham học này. Thật đấy! Một người căn tánh Hạ Hạ tu hành đúng theo lời dạy, trong thời gian ba bốn năm liền biến thành Thượng Thượng nhân! Nếu chúng ta từ đây mà giác ngộ, từ chỗ này mà hiểu rõ thì cũng kể như là quý vị phát Bồ Đề tâm, quý vị thật sự giác ngộ rồi đấy! Do đó, giác ngộ khó khăn lắm!

Sau khi giác ngộ, nhất định phải buông xuống. Nếu như quý vị nghĩ “tôi giác ngộ rồi, tôi phát tâm rồi, nhưng vẫn còn có vướng mắc chưa buông xuống được!” Nói thật ra, quý vị đang tự mình dối gạt mình, quý vị chưa hề giác ngộ! Vì sao vậy? Hễ giác ngộ nhất định sẽ buông xuống, còn có mảy may nào không buông xuống được thì hiển nhiên là quý vị chưa giác ngộ,

điều này khẩn yếu lắm! Do vậy, phải hiểu tướng trạng, hình dạng của giác ngộ cho rõ ràng, chính mình phải chú tâm kiểm điểm, phản tỉnh, quán sát xem có phải là giác ngộ thật sự hay chưa. Giác ngộ rồi bèn khởi tu, ngộ rồi phải hành, do vậy lại phải "*thư hỏi hành Bồ Tát hạnh*", khó khăn là đây!

Ở đây có ba câu chú thích ngắn gọn, giảng rõ tỳ-kheo Cát Tường Vân vì sao khen ngợi Thiện Tài. Dụng ý của Ngài là bảo Thiện Tài hãy tự gìn giữ cho chắc chắn, tự mình phải trân trọng, quý tiếc, phải giữ vững tín nguyện của chính mình.

Hân văn thắng pháp.

欣聞勝法。

(Vui vẻ nghe pháp thù thắng)

Hướng về thiện hữu thỉnh giáo, hoan hỷ lắng nghe, tu học pháp môn thù thắng. Do vậy trong đoạn văn này, nửa đoạn trước giảng rõ hai thứ khó khăn Thiện Tài đều trọn đủ, đều khắc phục được. Đối với người thông thường mà nói thì hai thứ khó khăn này sẽ ngăn trở người ấy khai ngộ, chướng ngại người ấy tu hành. Vì sao ngày nay chúng ta nghe pháp, xem kinh chẳng thể khai ngộ, công phu tu hành chẳng thể đắc lực? Là vì không khắc phục được hai thứ khó khăn ấy! Nếu hai thứ khó khăn ấy đều khắc phục được thì hiện tượng ấy sẽ không còn nữa, chúng ta nghe kinh sẽ khai ngộ, công phu sẽ đắc lực. Phần kinh văn tiếp theo gồm có mười câu. [Vì thế, đại sư Thanh Lương chú giải rằng]:

Văn hữu thập cú.

文有十句。

(Kinh văn có mười câu)

Mười câu này nhằm nói lên hành Bồ Tát hạnh khó khăn. Sự khó khăn trong hành Bồ Tát hạnh chẳng phải chỉ nói một vài điều là xong! Chuyện khó khăn quá ư là nhiều! Mười câu này vẫn là nói quy nạp, đem những nỗi khó khăn phân loại, quy nạp thành mười loại lớn. Mười câu này là mười loại lớn. Chúng ta hãy đọc kinh văn một lượt.

Sở vị cần cầu Bồ Tát đạo, cần cầu Bồ Tát cảnh giới, cần cầu Bồ Tát quảng bác tịnh hạnh, cần cầu Bồ Tát xuất hiện thân biến, cần cầu Bồ Tát thị hiện quảng đại chư giải thoát môn, cần cầu Bồ Tát thị hiện thế gian chủng chủng tác nghiệp, cần cầu Bồ Tát tùy thuận chúng sanh chủng chủng tâm hạnh, cần cầu Bồ Tát thị hiện nhập

xuất sanh tử Niết Bàn, cần cầu Bồ Tát ư vi vô vi tâm vô sở trước, cần cầu Bồ Tát trừ đoạn chúng sanh chủng chủng phiền não vi tế quá thất.

所謂勤求菩薩道。勤求菩薩境界。勤求菩薩廣博淨行。勤求菩薩出現神變。勤求菩薩示現廣大諸解脫門。勤求菩薩示現世間種種作業。勤求菩薩隨順眾生種種心行。勤求菩薩示現入出生死涅槃。勤求菩薩於為無為心無所著。勤求菩薩除斷眾生種種煩惱微細過失。

(Chính là nói: Siêng cầu Bồ Tát đạo, siêng cầu cảnh giới Bồ Tát, siêng cầu tịnh hạnh rộng lớn của Bồ Tát, siêng cầu Bồ Tát xuất hiện thần thông biến hóa, siêng cầu Bồ Tát thị hiện các môn giải thoát rộng lớn, siêng cầu Bồ Tát thị hiện các thứ tác nghiệp thế gian, siêng cầu Bồ Tát tùy thuận các thứ tâm hạnh của chúng sanh, siêng cầu Bồ Tát thị hiện vào ra sanh tử, Niết Bàn, siêng cầu Bồ Tát đối với hữu vi hay vô vi tâm đều không chấp trước, siêng cầu Bồ Tát trừ dứt các thứ phiền não, lỗi lầm vi tế của chúng sanh).

Thiện hữu nói cho Thiện Tài biết mười thứ khó khăn trong Bồ Tát hạnh. Đây là tỳ-kheo Cát Tường Vân truyền dạy pháp môn cho Thiện Tài. Câu thứ nhất là nói tổng quát, chín câu sau là nói riêng biệt. Quý vị đọc lời chú giải của đại sư Thanh Lương, đọc kinh văn xong, chúng ta hãy xem lời chú giải. Ngài chú giải rất rõ ràng, mỗi một câu đều nói rõ ra.

Hậu sở vị hạ.

後所謂下。

(Từ sau chữ "sở vị" trở đi)

"Sở vị" là chữ được dùng trong kinh văn, tức "sở vị cần cầu Bồ Tát đạo". Từ đoạn kinh văn này trở đi.

Biệt điệp tiền văn.

別牒前問。

(Riêng nhắc lại những câu hỏi trong phần trước)

Sau khi Thiện Tài đã nêu ra những câu hỏi để thỉnh giáo, theo thói quen thông thường, chúng ta nhất định phải nhắc lại những câu hỏi một lượt để đối chiếu xem có phải là quý vị nêu ra những ý nghĩa này hay không, rồi mới trả lời quý vị để tránh trường hợp quý vị nêu câu hỏi xong, người trả lời nghe rồi lại hiểu lầm ý, đáp sai câu hỏi, lãng phí thời gian! Do

vậy, nhất định phải nhắc lại một lượt những câu quý vị đã hỏi, [vì vậy, thiện tri thức] lặp lại câu hỏi của Thiện Tài.

Thị thích hậu nan.

是釋後難。

(Để giải thích những điều khó khăn [sẽ được nói tới] trong phần sau)

"*Thị thích hậu nan*" là lời giải thích câu "*thư hỏi hành Bồ Tát hạnh là sự khó nhất trong những sự khó*", giải thích câu nói này.

Văn hữu thập cú, tiểu hữu khai hợp.

文有十句，小有開合。

(Kinh văn gồm mười câu, trong ấy có chỗ tách ra, có chỗ gom lại đôi chút)

Kinh văn tổng cộng có mười câu, trong ấy có chỗ khai, có chỗ hợp. Hợp là quy nạp hai hay ba vấn đề thành một. Khai là đối với một vấn đề, do có quá nhiều ý nghĩa trong ấy bèn tách ra thành hai hoặc ba. Nhưng "khai, hợp" không nhiều cho nên nói "*tiểu hữu khai hợp*".

Án thứ điệp tiền

案次牒前。

(Dựa theo thứ tự, nhắc lại những câu hỏi trong phần trước)

Chiếu theo thứ tự thuận, đem những câu hỏi của Thiện Tài trong phần trước nhắc lại một lượt. Câu thứ nhất là:

Điệp tiền tổng trung nhị cú, nhược học, nhược tu, giai Bồ Tát đạo.

牒前總中二句，若學若修，皆菩薩道。

(Ứng với hai câu hỏi tổng quát trong phần trước, dù học hay tu đều là Bồ Tát đạo).

Đây là câu hỏi của Thiện Tài đồng tử: "*Làm thế nào để học Bồ Tát đạo, làm thế nào để tu Bồ Tát đạo?*" Học là Giải môn, tu là Hạnh môn. Giải Hạnh tương ứng, Giải lẫn Hạnh đều coi trọng, đều thuộc về Bồ Tát đạo. Do vậy, khi trả lời Thiện Tài, [tỳ-kheo Cát Tường Vân] đem hai câu hỏi trong phần trước gộp lại thành một câu. Do vậy nói "*siêng cầu Bồ Tát đạo*". Trong mỗi một câu đều có bốn chữ "*cần cầu Bồ Tát*" (siêng cầu Bồ Tát), nhằm nêu rõ những gì được nói ra hoàn toàn thuộc về Bồ Tát đạo.

Dư cửu điệp biệt.

餘九牒別。

(Chín câu kia tương ứng những câu hỏi riêng biệt)

Những câu khác là nói riêng, còn câu đầu tiên là nói tổng quát.

Nhất cần cầu Bồ Tát cảnh giới giả, tức thị tiên văn khởi Bồ Tát hạnh, phát khởi thú hướng Bồ Tát cảnh cố.

一勤求菩薩境界者，即是前文起菩薩行，發起趣向菩薩境故。

(Một, “siêng cầu cảnh giới Bồ Tát” chính là đoạn kinh văn trong phần trước “*khởi Bồ Tát hạnh, phát khởi, tiến hướng đến cảnh Bồ Tát*”)

Chúng ta gộp chung đoạn văn trước và sau lại để xem, lại đọc lời chú giải của đại sư Thanh Lương thì ý nghĩa hết sức rõ ràng. Trong phần trước Thiện Tài đã hỏi (số trang của tôi khác với số trang trong sách của quý vị), Ngài đã từng hỏi: “*Học Bồ Tát hạnh như thế nào? Tu Bồ Tát hạnh như thế nào? Khởi Bồ Tát hạnh như thế nào? Hành Bồ Tát hạnh như thế nào? Cho đến làm thế nào để mau chóng viên mãn Phổ Hiền hạnh?*” Trong phần trước tôi đã từng nói với quý vị, trong khi phiên dịch, [các vị dịch giả] đã lược bớt [những câu hỏi này]. Bởi lẽ, trong phần trước, Ngài đã nêu ra tổng cộng mười ba câu hỏi. Đối với câu “*khởi Bồ Tát hạnh*” [của Thiện Tài] thì câu “*cần cầu Bồ Tát hạnh*” [của tỳ-kheo Cát Tường Vân] là giảng về khởi Bồ Tát hạnh. “*Khởi*” (起) nghĩa là phát khởi, hưng khởi (dấy lên), tức là “*phát khởi tiến hướng đến cảnh Bồ Tát*”. Chúng ta nói đến cảnh giới, nói thật ra, đây là những điều nhỏ nhặt, vụn vặt trong cuộc sống hằng ngày. Làm thế nào mới có thể giống như Bồ Tát, sống như Bồ Tát? Vấn đề này rất trọng yếu, chẳng thể không lưu ý. Vì vậy tu hành là tu trong sinh hoạt thường ngày.

Nhị cần cầu Bồ Tát quảng bác tịnh hạnh giả

二勤求菩薩廣博淨行者。

(Hai, siêng cầu tịnh hạnh rộng lớn của Bồ Tát)

Một câu này...

Nhiếp tiên tam cú.

攝前三句。

(Bao gồm cả ba câu trước)

Đây là chỗ Hợp. Trong phần trước, Thiện Tài có ba câu hỏi, ở đây hợp lại thành một câu. Chữ " *nhiếp* " (攝) có nghĩa là hợp lại.

Vị hạnh nhiếp tiên hành Bồ Tát hạnh. Quảng bác nhiếp tiên biên mãn Bồ Tát hạnh. Tịnh tức nhiếp tiên tịnh Bồ Tát hạnh.

謂行攝前行菩薩行。廣博攝前遍滿菩薩行，淨即攝前淨菩薩行。

(Nghĩa là chữ "hạnh" bao gồm "hành Bồ Tát hạnh" trong phần trước. "Quảng bác" bao gồm "viên mãn trọn khắp Bồ Tát hạnh" trong phần trước. "Tịnh" bao gồm "tịnh Bồ Tát hạnh" trong phần trước)

Cho thấy trong một câu này bao gồm ba câu hỏi của Thiện Tài trong phần trước. Ở đây, thiện hữu quy nạp thành một câu để trả lời.

Cựu kinh cụ tam.

舊經具三。

(Bản dịch cũ có đủ ba điều này)

Chữ "*cựu kinh*" chỉ bản dịch [kinh Hoa Nghiêm] đời Tấn (tức bản Lục Thập Hoa Nghiêm).

Nhất thị xuất ly đạo tức thị tiên hạnh, hạnh tức xuất cố.

一是出離道即是前行，行即出故。

(Một, chính là đạo xuất ly, tức là Hạnh đã nói trong phần trước, vì Hạnh chính là thoát ra vậy).

Bốn chữ "*hành Bồ Tát hạnh*", chúng ta nay đang hành phàm phu hạnh, Bồ Tát khác phàm phu; mà "Bồ Tát" được nói ở đây cũng khác với Bồ Tát thường được nhắc đến, sai khác ở chỗ nào? Thông thường, chúng ta nói tới Bồ Tát thì trong số ấy bao gồm Quyền, Tiểu Bồ Tát. Nếu dựa theo giáo tướng của tông Thiên Thai để nói thì lại có Tạng giáo Bồ Tát, Thông giáo Bồ Tát, Biệt giáo Bồ Tát, đều chưa thoát khỏi mười pháp giới.

Nhưng Bồ Tát được nói tới ở đây là những vị Bồ Tát đã vượt thoát mười pháp giới, kinh Hoa Nghiêm nói tới bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Thiện Tài đến tham học với một vị thiện tri thức là vì như trong phần trước tôi đã thưa với quý vị rồi đó, Ngài liền kế nhập cảnh giới ấy. Ví dụ như ở đây, tỳ-kheo Cát Tường Vân đại diện cho hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Do vậy, Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng tỳ-kheo Cát Tường Vân, cho thấy Thiện Tài đồng tử cũng là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Sơ Trụ của

Viên Giáo bằng với Sơ Địa trong Biệt Giáo, đã vượt trỗi mười pháp giới, đã chứng nhập Nhất Chân pháp giới. Kinh Đại Tiểu Thừa thường gọi là "*nhập Bất Nhị pháp môn*". Ngài đã nhập pháp môn Bất Nhị; Nhị là gì? Trong mười pháp giới là hai, chữ "*Nhị*" biểu thị phân biệt. Trong mười pháp giới có phân biệt, trong Nhất Chân pháp giới không có phân biệt, đấy là "không hai". Nay Ngài là Sơ Trụ Bồ Tát, hạnh được hỏi ở đây là hạnh của bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên. Do vậy, ở đây nói đến Xuất: "*Hạnh tức xuất cố*" (Hạnh chính là xuất), "xuất" là ra khỏi mười pháp giới. Chẳng những thoát lìa lục đạo, mà còn thoát lìa mười pháp giới.

Nói một cách khác, trong Nhất Chân pháp giới có những vị Bồ Tát, họ sống như thế nào? Hành Bồ Tát hạnh mang ý nghĩa như thế đấy. Muốn thưa hỏi những vị Pháp Thân đại sĩ, bọn họ hành Bồ Tát hạnh như thế nào? Đây là ý nghĩa thứ hai.

Thanh tịnh đạo tức thị tiền tịnh.

清淨道即是前淨。

(Thanh tịnh đạo tức là "*tịnh*" như đã nói trong phần trước).

Trong bản dịch cũ gọi ["*tịnh*"] là "*thanh tịnh đạo*". Tôi nghĩ ý nghĩa này chắc quý vị cũng dễ hiểu hơn. Trong tựa đề của Vô Lượng Thọ Kinh ghi "*thanh tịnh, bình đẳng, giác*", mong mọi người hãy đặc biệt chú ý tới, tâm phải thanh tịnh, chuyện gì cũng đều chẳng thể có! Chẳng những thế pháp (pháp thế gian) không thể có, mà Phật pháp cũng không thể có; hễ có sẽ chẳng thể thoát khỏi lục đạo được!

Chúng ta là người niệm A Di Đà Phật, chỉ chấp nhận có A Di Đà Phật, trong tâm quý vị, một ngày mười hai giờ từ sáng đến tối, chỉ chấp nhận có A Di Đà Phật; trừ A Di Đà Phật ra, chẳng thể có gì khác. Nếu quý vị muốn thật sự có thì quý vị phải nhớ kỹ, quý vị không thể ra khỏi lục đạo luân hồi được đâu! Có A Di Đà Phật thì được! Cảm ứng đạo giao với Tây Phương Cực Lạc thế giới, gọi là "*đối nghiệp vãng sanh*". Quý vị thấy họ mang theo nghiệp gì? Mang theo những nghiệp chẳng khởi tác dụng! Họ chưa đoạn được nghiệp, chưa đoạn phiền não tập khí, tuy chưa đoạn nhưng đều chẳng khởi tác dụng! Họ suốt một ngày từ sáng đến tối là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, tất cả những nghiệp của họ đều chẳng khởi tác dụng, bị một câu A Di Đà Phật nén xuống, khuất phục. Kinh Kim Cang chép: "*Vân hà hàng phục kỳ tâm?*" (Làm thế nào để hàng phục cái tâm ấy?) Chúng ta đem một câu A Di Đà Phật hàng phục cái tâm, đấy gọi là "*đối nghiệp vãng sanh*". Tuyệt đối chẳng phải là một mặt niệm Phật, mặt khác vẫn sanh phiền não,

vẫn là khởi tâm động niệm, như vậy là vô dụng! Nói trắng ra, một câu Phật hiệu của quý vị không đắc lực, không đè nén vọng tưởng, tạp niệm được, đây là không đắc lực. Vì sao không đè nén vọng tưởng, tạp niệm được? Do quý vị không buông xuống, quý vị không thật sự cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, không sanh tâm chân thật, không bỏ được tình duyên thế gian, làm sao đi được?

Do vậy, ở đây, tôi đặc biệt muốn khuyến khích các vị đồng tu chúng ta: Quán Trưởng vãng sanh đã ban cho chúng ta một sự khai thị rất lớn. Nói cách khác, bà đã ban cho chúng ta một bài học trọng yếu nhất. Bà cảnh tỉnh chúng ta: Vãng sanh nhất định phải đứng mà đi, phải ngồi mà đi, đừng sanh bệnh, biết trước lúc mất thì bản thân quý vị mới có thể nắm vững, mới thật sự vãng sanh. Nếu ngã bệnh nằm trên giường, ngay cả sức lực để tự trở mình cũng không có, hoàn toàn là nghe theo người khác sắp đặt, hy vọng vãng sanh rất mờ mịt! Trong khi ấy, nếu quý vị không gặp được thiện hữu giúp đỡ sẽ chẳng thể vãng sanh. Thiện hữu thật sự hiểu biết những kiến thức thông thường trong thời điểm khẩn yếu ấy, thời thời khắc khắc nhắc nhở người [sắp mất] giữ chánh niệm; chánh niệm là buông xuống hết thảy, hết thảy mọi chuyện đều không quan tâm tới, hết thảy đều chẳng cần bận lòng nữa, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thường xuyên nhắc nhở, thường xuyên căn dặn. Nếu không, người [sắp mất] ấy sẽ lúc thì thấy quý, lúc thì thấy thần, đây chính là nghiệp lực trong lục đạo hiện tiền.

Quán Trưởng có phước báo, khi bà bệnh hơi nặng hơn, những người xuất gia chúng ta đều vây quanh bà, bảo vệ bà, [được như vậy] chẳng dễ dàng đâu! Có mấy người gặp được [cơ hội này]? Quý vị nghĩ thử xem, tương lai quý vị vãng sanh có gặp được duyên ấy hay chẳng? Quý vị gặp được duyên ấy thì không có vấn đề gì, bảo đảm đưa quý vị đi vãng sanh. Nhưng nếu quý vị chẳng gặp được duyên ấy thì hỏng rồi, hỏng mất rồi! Chúng tôi nghĩ như thế này: Chúng ta có thể bảo vệ, đưa Quán Trưởng đi vãng sanh, tương lai bản thân chúng ta vãng sanh, ai sẽ bảo vệ đưa chúng ta đi? Không nhờ cậy được! Do vậy, chỉ có chính mình thực sự làm, chính mình phải thật sự đứng mất, ngồi mất, không cần người ta giúp đỡ, chẳng phiền tới người khác, đây mới là thật sự nắm chắc. Đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, chúng ta có thể làm được hay không? Thưa với quý vị, ai cũng đều có thể làm được! Chỉ cần quý vị thật sự buông xuống được, tâm quý vị niệm Phật thật sự khẩn thiết thì không có vấn đề gì cả!

Thông thường, nếu niệm Phật như thế, đạt đến cảnh giới ấy, công phu thành tựu nói chung ba năm là đủ rồi. Quý vị đã niệm được ba năm rồi,

niệm được ba mươi năm rồi, vì sao vẫn chẳng có tin tức gì? Đây là vì quý vị công phu không đặc lực, quý vị hoàn toàn không vứt bỏ được vọng tưởng, tạp niệm. Một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng, cho nên công phu của quý vị không đặc lực. Nhất định phải chú ý tới điều này, con người trong sát-na lâm chung, trong sát-na hơi thở dứt bật, chính là thời khắc quyết định tương lai người ấy sẽ đi vào đường nào. Trong sát-na ấy, một câu A Di Đà Phật thì người ấy liền vãng sanh. Trong Vô Lượng Thọ Kinh, nguyện thứ mười tám là "*lâm chung mười niệm hay một niệm, nhất định vãng sanh thế giới Cực Lạc*". Cho nên một niệm tối hậu ấy là quyết định, là mấu chốt. Lúc bình thường là luyện binh, khi lâm chung là chiến đấu, hy vọng một niệm tối hậu là A Di Đà Phật, chứ không phải là tạp niệm hay những lời thừa thãi.

Thông thường, người ta mất đi đều có thân Trung Ấm. Tôi nghĩ quý vị có thân thích, bằng hữu, người già qua đời, quý vị đến tiễn đưa, rõ ràng là đã từng trông thấy. Người ấy đã tắt hơi rồi, chúng ta đứng bên cạnh người ấy niệm Phật, niệm tới tám tiếng đồng hồ, khuôn mặt người ấy sẽ hiện vẻ biến đổi. Tuy người ấy không nói năng được, nhưng nếu quý vị quan sát cẩn thận những biểu hiện trên khuôn mặt người ấy: Nếu người ấy đau đớn, có giằng co gì thì quý vị chú tâm quán sát sẽ thấy có dấu tích. Sau khi thần thức hoàn toàn rời đi, người ấy có thể khôi phục lại dáng vẻ bình thường, đây là có Trung Ấm. Trong kinh dạy thần thức tách rời thân thể giống như con rùa bị bóc mai trong khi còn sống, rất đau khổ! Do vậy khi người ấy sắp mất, quyết chí nên đưng chạm vào người ấy. Chúng ta thường nói là tám tiếng đồng hồ, nhưng theo sách Sức Chung Tân Lương dạy thì là mười hai tiếng. Mười hai tiếng là an toàn nhất. Người ấy đã hoàn toàn rời lìa xác thân, quý vị có thể đưng chạm, sờ mó, không có vấn đề chi hết!

Trong vòng mười hai tiếng đồng hồ, chớ nên chạm vào. Chẳng những không được chạm vào thân thể, mà còn có kẻ vô tri, nghe kinh nói nếu ai được vãng sanh thì [thần thức] sẽ thoát ra từ đỉnh đầu, toàn thân đều lạnh, đến cuối cùng đỉnh đầu vẫn còn có chút hơi nóng, muốn sờ vào để thăm dò người mất ấy sẽ đi về đâu? Thăm dò như vậy sẽ lôi người ấy trở lại, lại đưa người ấy vào trong tam ác đạo! Người thăm dò là oán gia trái chủ của người mất, [những người hộ niệm] phải chấn chỉnh người ấy, quyết định chẳng được đưng chạm! Thăm dò để làm gì cơ chứ? Không cần thiết! Thực ra, khi đứng bên cạnh lắng lòng quán sát thì sẽ có thể phán đoán được! Lâm chung ra đi không có Trung Ấm, hết sức hiếm có! Tôi cũng đã đưa tiễn không ít người, lúc lâm chung không có Trung Ấm thì chỉ có mình Quán Trưởng, tôi chỉ thấy có mình bà ta là không có Trung Ấm. Ấy là vừa tắt thở liền vãng sanh, phù hợp với điều được dạy trong kinh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc

thế giới không có Trung Âm. Thêm nữa, người sanh lên trời cũng không có Trung Âm, người cõi trời phước báo lớn nên chẳng qua giai đoạn Trung Âm. Lại còn một loại là đọa vào địa ngục cũng không có Trung Âm, đấy là địa ngục Vô Gián, vừa tắt thở liền đọa ngay, nhưng người ấy lộ vẻ rất hoảng sợ, tướng trạng rất khó coi! Nhưng tướng ấy không hề có biến hóa. Kinh điển dạy chúng ta rằng: Trong ba thứ tình huống ấy thì không có Trung Âm, còn những trường hợp khác đều có Trung Âm. Do vậy, nếu chúng ta không việc gì thì phải đọc sách Sức Chung Tu Tri (những điều cần biết về việc hộ niệm cho lúc lâm chung) cho nhiều, không gì quan trọng bằng hiểu rõ kiến thức này. Chúng ta hiểu rõ rồi, tánh cảnh giác của chúng ta mới cao, vì sao vậy? Mỗi cá nhân đến lúc cuối cùng đều phải trải qua giai đoạn này. Đến lúc ấy, nếu như có oán thân trái chủ đến bên cạnh rờ rẫm, thăm dò, làm cách nào đây? Không có biện pháp nào ngăn ngừa được, cho nên [lúc bình thường] phải thật thà niệm thì mới an toàn.

Nhưng trong Niệm Phật Luận, chúng ta đã cho in rất nhiều bản Niệm Phật Luận; cuốn sách này do lão pháp sư Đàm Hư giảng, pháp sư Đại Quang ghi lại. Hai tháng trước đây, pháp sư Đại Quang đã vãng sanh. Chúng tôi cũng rất thân quen với thầy ấy, cũng là bạn cũ của nhau. Năm nay, thầy ấy cũng phải ngoài tám mươi tuổi rồi! Những người được nói tới trong phần sau cuốn Niệm Phật Luận toàn là phàm phu, đều là kẻ bình thường. Người xuất gia như pháp sư Tu Vô tại chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân (Harbin), chúng tôi đọc xong bèn mong được đến thăm chùa Cực Lạc. Pháp sư Tu Vô vãng sanh tại nơi ấy, biết trước lúc mất, ngồi mất. Vị pháp sư ấy xuất gia cũng là người khổ não, trước khi xuất gia làm thợ nề, không biết chữ, chỉ biết niệm một câu A Di Đà Phật, chuyện gì cũng không biết, là người chất phác. Người chất phác niệm Phật bèn thật thà niệm, chúng ta không chất phác nên niệm Phật cũng không thật thà! Các quý vị thấy Ngài ra đi thông dong, tự tại như thế đó!

Cư sĩ Trịnh Tích Tân là người buôn bán. Nghe lão pháp sư Đàm Hư giảng kinh Di Đà, biết Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt lành, ông ta giác ngộ liền, không buôn bán nữa, chuyên môn niệm Phật, chuyên môn giảng kinh Di Đà, đến các nơi giảng kinh Di Đà cho người ta nghe, khuyên người khác niệm Phật. Khi ông ta mất là biết trước lúc mất, không đổ bệnh, ngồi qua đời. Trong truyện ấy còn kể kèm thêm truyện của người em trai ông ta. Em trai ông ta thoát đầu không tin tưởng, trách móc người anh nghỉ buôn bán, bỏ đi niệm Phật, chê anh mê tín, học Phật đến nỗi mê muội luôn! Về sau, thấy anh mình ra đi tự tại như vậy ông ta bèn tin tưởng, ông ta cũng niệm Phật! Niệm được ba năm cũng vãng sanh. Chẳng qua ông ta vãng sanh còn

mắc chút bệnh khổ, không được thông dong như anh mình, nhưng kể như là có công phu.

Tại chùa Trạm Sơn ở Thanh Đảo có một vị nữ đồng tu họ Trương cũng là người khổ não. Chồng bà ta là phu kéo xe, xe kéo hiện thời không còn nữa. Rất khổ! Cu-li mà! Bà ta có hai đứa con nhỏ, một nhà bốn miệng ăn. Ngày nào chồng bà ta không kéo xe thì ngày đó không có cơm ăn, sống khổ sở như vậy. Mỗi Chủ Nhật, chùa Trạm Sơn có hội Niệm Phật, bà ta đều tham gia. Bà niệm rất thành tâm, khi vãng sanh biết trước lúc mất, ngồi qua đời!

Chúng ta thấy những người ấy đều là người khổ não, bởi lẽ họ khổ quá cho nên đối với thế gian này chẳng lưu luyến gì nữa. Vì sao ngày nay chúng ta không thành công? Có một chút của cải đã hại chết quý vị rồi! Cuộc sống của quý vị vẫn còn khá, quý vị lưu luyến thế gian này, quý vị không buông xuống được. Bọn họ một ngày không làm là một ngày không có cơm ăn; chẳng biết ngày mai sẽ sống bằng cách nào? Đối với thế gian này trọn chẳng có mảy may lưu luyến gì! Nghe nói Tây Phương thế giới tốt lành liền nhất tâm nhất ý cầu sanh. Ý niệm cầu sanh khẩn thiết, chân thật, triệt để buông thế gian này xuống, thật sự phù hợp với điều kinh đã giảng: "*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*". Do vậy, tâm họ thanh tịnh. Đừng thấy người ta sống khổ sở, tuy cuộc sống khổ sở như thế nhưng tâm họ thanh tịnh. Kẻ làm quan lớn trong thế gian, đại phát tài đều thua họ. Tâm họ thanh tịnh, công phu niệm Phật đặc lực; đây là những tấm gương cho chúng ta, chúng ta phải nên học tập theo đây.

Học bằng cách nào? Xả! Không xả là không được! Xả phiền não, xả sanh tử, xả lục đạo, xả bệnh khổ, chẳng được lưu luyến mảy may nào, sanh tử là chuyện lớn mà! Vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đều không có cách nào thoát lìa lục đạo luân hồi, đều không có cách gì liễu sanh tử, lần này gặp được cơ hội này, gặp được kinh điển này, gặp được pháp môn này, chỗ mấu chốt trong hiện thời là chúng ta có buông xuống được hay không? Để có thể buông xuống được, chiếu theo kinh luận, phương pháp này để tu hành thì chắc chắn sẽ thành tựu. Do vậy, thanh tịnh đạo là trọng yếu. Ý nghĩa thứ ba là:

Thanh tịnh quảng đại tâm.

清淨廣大心。

(Tâm thanh tịnh rộng lớn).

Đây là ý nghĩa "*đầy đủ trọn khắp*" đã nói trong phần trước. Tâm chẳng những phải thanh tịnh mà còn phải rộng lớn, phải giống như Phật, Bồ Tát.

"*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*" (Tâm bao thái hư, lượng trọn khắp các cõi có số lượng nhiều như cát). Phải có cái tâm ấy. Có cái tâm như vậy sẽ tự nhiên trên cúng dường chư Phật, dưới hóa độ chúng sanh, không phân biệt, không chấp trước, không thấy thân - sơ, tâm đại từ bi tự nhiên lưu lộ. Câu này bao gồm nội dung của ba câu trong số mười ba câu hỏi nơi phần trước. Từ đây trở đi, mỗi câu [trả lời] đều nhằm ăn khớp với những câu hỏi trong phần trước. Chúng ta xem câu thứ ba trong lời chú giải.

Tam, tức tiền chuyển, Bồ Đề hạnh diệc chuyển biến cố.

三即前轉，菩薩行亦轉變故。

(Điều thứ ba chính là chuyển biến như trong phần trước đã nói, vì hạnh Bồ Đề cũng chuyển biến)

Kinh văn ghi "*cần cầu Bồ Tát xuất hiện thần biến*" (siêng cầu Bồ Tát xuất hiện thần thông biến hóa), chữ "*thần biến*" ấy có nghĩa là Chuyển. Vì sao có chuyển biến? Nói thật ra, biến hóa rất nhiều. Chuyển biến to lớn như trong phẩm Phổ Môn đã nói "*nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy*". Đây là chuyện lớn lao. Trong những chuyện nhỏ nhặt thường ngày, tùy theo thói quen sinh sống của chúng sanh, tùy thuận ý thức, hình thái của chúng sanh, tùy thuận hết thảy lòng ưa ghét của chúng sanh mà Bồ Tát qua lại với họ, cũng thường chuyển biến ở trong ấy. Những điều ấy đều gọi là "*thần biến*". Như vậy mới có thể hóa độ chúng sanh, cùng hòa quang đồng trần với chúng sanh, nay chúng ta gọi là "cơ hội giáo dục", tùy thời tùy chỗ vận dụng cơ hội giáo dục khéo léo thì đều thuộc về chuyển biến.

Tứ, tức thâm nhập.

四即深入。

(Điều thứ tư là thâm nhập)

Tức "*siêng cầu Bồ Tát thị hiện các môn giải thoát rộng lớn*".

Thâm nhập quảng đại giải thoát môn cố.

深入廣大解脫門故。

(Vì thâm nhập môn giải thoát rộng lớn)

"Môn" (門) là nói tử dụ, tử dụ sự ra vào; ra vào đều theo cái cửa ấy. Ở đây nói ra tam giới, vào tam giới, ra mười pháp giới, vào mười pháp giới, tử dụ như vậy. "*Quảng đại giải thoát môn*" là ra khỏi mười pháp giới thì mới là "*quảng đại*". Giải thoát môn được nói đến trong Tiểu Thừa chỉ là thoát lìa lục

đạo luân hồi liền coi là giải thoát rồi! Chữ Giải (解) là Phá Âm Tự¹[1] đọc giọng Khứ Thanh, đừng đọc là jiě, hãy đọc là xiè, nên coi chữ này được dùng như động từ, [mang ý nghĩa] cởi gỡ ra. Cởi gỡ những gì? Phiền não, giải trừ Kiến Tư phiền não. “Thoát” (脫) là thoát lìa lục đạo luân hồi. Nếu quý vị chẳng giải trừ được Kiến Tư phiền não sẽ không ra khỏi lục đạo luân hồi. Do vậy, giải thoát gồm hai chuyện. “*Đại giải thoát môn*” ở đây chẳng những là giải trừ Kiến Tư phiền não mà Trần Sa phiền não cũng giải trừ, Vô Minh phiền não cũng phải tối thiểu giải trừ được một phần. Như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Bốn mươi một phẩm vô minh phá được một phẩm thì mới thoát lìa mười pháp giới, nhập Nhất Chân pháp giới. Đây gọi là đại giải thoát, quảng đại giải thoát*”. Quảng (廣) là khen ngợi nó lớn lao, bởi lẽ khi ấy đã minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. “*Thâm nhập quảng đại*” ý nghĩa càng sâu, bởi lẽ vô minh có bốn mươi một phẩm, nay quý vị mới phá được một phẩm, vẫn chưa thể thâm nhập. Bốn mươi một phẩm vô minh phá sạch rồi, chứng được Phật quả rất ráo trong Viên giáo, mới gọi là “*thâm nhập quảng đại giải thoát môn*”. Thiện Tài đồng tử mong cầu, nguyện vọng cao cả, chẳng phải là đạt đến giai đoạn này bèn “được chút ít đã cho là đủ”, Ngài không hề như vậy. Ngài hy vọng thành tựu viên mãn giống hết như chư Phật Như Lai. Đây là ý nghĩa của câu thứ tư.

Ngũ, tức xuất sanh.

五即出生。

(Câu thứ năm là xuất sanh)

Tức câu “*cần cầu Bồ Tát thị hiện thế gian chủng chủng tác nghiệp*” (siêng cầu Bồ Tát thị hiện các thứ công việc thế gian).

Chủng chủng tác nghiệp phương năng sanh cố.

種種作業方能生故。

(Thì các thứ tác nghiệp mới có thể sanh ra được)

Đây là ý nghĩa “*xuất sanh*”. Vậy thì Bồ Tát có sự nghiệp hay không? Có chứ! Ở đây, chúng ta thấy năm mươi ba vị thiện tri thức nhìn trên hình tướng có nam, nữ, già, trẻ; nhìn từ công việc, bao gồm các ngành, các nghề. Thật sự, Thế Tôn dùng bọn họ để tượng trưng cho xã hội của chúng ta trong hiện thời. Chúng ta từ sáng đến tối lục căn tiếp xúc cảnh giới,

[1] Trong tiếng Quan Thoại, nếu một chữ có nhiều âm, tùy theo âm đọc khác nhau mà có ý nghĩa khác nhau thì được gọi là Phá Âm Tự. Chữ Giải có hai cách đọc khác nhau nên gọi là Phá Âm Tự.

người, sự, vật, các thứ công việc, luôn có Bồ Tát thị hiện trong ấy. Họ phải làm, họ chẳng thể không làm! Chẳng những phải làm, mà như chúng tôi thường nói trong các buổi giảng: "Họ phải nêu một tấm gương tốt đẹp nhất cho hết thảy mọi người!" Quý vị là học trò, Bồ Tát cũng làm học trò, nhưng Bồ Tát là học trò ưu tú nhất, phẩm hạnh lẫn học vấn đều nổi bật, là tấm gương tốt nhất cho bọn học trò. Quý vị làm thương nhân, Bồ Tát cũng làm thương nhân. Trong giới con buôn, Bồ Tát nêu gương tốt nhất cho lũ con buôn, gương tốt ấy chính là "*giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm*". Do vậy, bất luận trong nghề nghiệp nào cũng đều làm gương mẫu cho nghề nghiệp ấy, đều là điển hình cho nghề nghiệp ấy. Nếu là bà chủ trong gia đình, Bồ Tát cũng nêu một tấm gương tốt về bà chủ trong gia đình, nêu khuôn mẫu. Chư Phật Như Lai nêu gương tốt cho Bồ Tát, Bồ Tát học theo Phật, nêu gương tốt cho hết thảy chúng sanh. "*Siêng cầu Bồ Tát thị hiện các thứ công việc trong thế gian*" là Bồ Tát đạo, chứ không phải là phàm phu. Câu kế tiếp đó: "*Cần cầu Bồ Tát tùy thuận chúng sanh chủng chủng tâm hạnh*" (Siêng cầu Bồ Tát tùy thuận các thứ tâm hạnh của chúng sanh); đây chính là quán sát.

Quán sát chúng sanh tâm hạnh dị cố.

觀察眾生心行異故。

(Vì quán sát thấy tâm hạnh của chúng sanh khác biệt)

"*Tâm hạnh*" ở đây chính là "*khởi tâm động niệm*" như chúng ta thường gọi. Bồ Tát phải quán sát chúng sanh khởi tâm động niệm đủ mọi thứ khác nhau. Vì sao khác nhau? Nhân duyên trong ấy rất phức tạp. Nếu Bồ Tát chẳng quán sát cặn kẽ, thâm nhập quán sát thì làm sao có thể giáo hóa chúng sanh cho khéo được? Nhất định phải hiểu tâm hạnh của chúng sanh rồi mới giảng kinh thuyết pháp, câu nào cũng nói trúng phóc tâm trạng của họ, họ mới có thể cảm nhận. Do vậy, điều này rất trọng yếu. Trong kinh đã dạy rất hay! "*Quán sát*" không phải là bảo quý vị nghiên cứu, chẳng phải là bảo quý vị điều tra, chẳng phải là bảo quý vị hãy thống kê, chẳng hề bảo quý vị làm những chuyện đó! Quán sát phải có Định - Huệ; nói cách khác, nếu tâm chính mình không thanh tịnh, quý vị chẳng có cách nào chiếu soi cảnh giới bên ngoài. Do vậy, tâm phải thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ tràn trề trí huệ, có vậy thì mới có thể chiếu soi tâm hạnh của hết thảy chúng sanh.

Vì vậy, trong quá khứ, các vị tổ sư, đại đức giảng kinh thuyết pháp, lên đại tòa²[2]. Trước khi thăng đại tòa sẽ có "*ngghi quy*", tức là có nghi thức:

²[2] Gọi là đại tòa nhằm phân biệt với tiểu tòa. Giảng đại tòa là giảng cho công chúng, trong khi giảng tiểu tòa nhằm tập giảng, giảng cho đồng học hay các đạo hữu quen biết để họ giúp ý kiến nhận xét nhằm giảng hay hơn.

xướng tán, lễ bái, tụng kinh, niệm chú, đại khái trong thời gian trước khi giảng, tối thiểu phải là nửa tiếng, [cử hành] nghi thức rất long trọng, hiện thời chúng tôi đều giản lược hết. Hiện thời chúng tôi chỉ lễ Phật ba lạy, mọi người xướng bài Khai Kinh Kệ, chúng tôi liền lên đài giảng kinh. Xưa kia chẳng giống như vậy, trước khi giảng kinh thì tối thiểu là phải nửa tiếng đồng hồ. Sau khi pháp sư thăng tòa, trong nửa tiếng ấy sẽ làm gì? Nhập Định. Mục đích nhập Định để xem xét căn cơ, ở đây gọi là "*quán sát*", nhập Định để xem xét căn cơ. Nếu không thể nhập Định thì cũng là để cho cái tâm định lại, tĩnh lại. Do vậy, đối với pháp sư mà nói thì Ngài nhập Định quán sát căn cơ; còn về phía đại chúng mà nói thì cũng là chờ những người đến sau, tức những người không thể canh thời gian đến đúng lúc. Vì thời gian nửa tiếng ấy là để chờ những người tới chậm, đấy cũng là lòng từ bi.

Xã hội hiện tại khác hẳn với trước kia. Trước kia là xã hội nông nghiệp, mọi người đều có thời gian [rảnh rỗi], chờ đợi không sao cả. Nghi thức long trọng thì đối với mỗi một người có tâm nghe pháp cũng sẽ khởi lòng tôn trọng, vì thế cách này có điểm hay. Xã hội hiện thời đã khác xưa, mọi người rất quý thời gian; nói thật ra, đấy là điều đáng nên làm. Thế nhưng bảo "*thời gian là tiền bạc*" thì ngay trong câu nói ấy cũng có nhiều vấn đề, vẫn là còn tham tiền tài, không buông xuống được. Nói theo phương diện Phật pháp, thời gian là sanh mạng, là mạng quang, rất nghiêm túc. Thời gian là tiền bạc, đối với người chân chánh tu hành thì họ đã bỏ sạch tiền tài rồi, họ chẳng coi trọng thứ ấy. Chúng ta cần phải hiểu điều này. Bởi lẽ, trong xã hội hiện thời toàn bộ nghi thức đều bị giản lược, mong sao thời gian chúng ta giảng kinh sẽ có thể dài hơn một chút, giảng được nhiều hơn một chút, chẳng phụ lòng các vị đồng tu từ nơi xa đến nghe. Đấy chính là điểm khác biệt giữa hiện tại và quá khứ, nhưng công phu quán sát này vẫn hết sức trọng yếu.

Thất tức tăng quảng, hành vô trụ đạo phương tăng quảng cố.

七即增廣，行無住道方增廣故。

(Câu thứ bảy chính là mở rộng, vì hạnh đạo vô trụ thì mới tăng rộng được)

Trong kinh văn, câu này được ghi là "*cần cầu Bồ Tát thị hiện nhập xuất sanh tử Niết Bàn*" (siêng cầu Bồ Tát thị hiện ra vào sanh tử, Niết Bàn). Ở đây đại sư Thanh Lương chú giải rất đơn giản, mà ý nghĩa rất viên mãn. Phải "*hành vô trụ đạo*" thì mới thực hiện được chuyện này, đây chính là tự tại trong sanh tử Niết Bàn, tự tại trong nơi ấy. Chúng ta thường gọi vị nào làm được điều này là "*thừa nguyện tái lai*"; vị ấy thật sự có năng lực thừa

nguyện tái lai. Phải như kinh Kim Cang đã dạy: "*Trụ vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*" (Không trụ vào đâu để sanh tâm) thì mới được! Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông nhờ câu kinh này mà khai ngộ. Ngài nhập vào cảnh giới ấy, cho nên Ngài thật sự là "*vô trụ sanh tâm*". "*Vô trụ*" là tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, Ngài nói: "*Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*" (Vốn không có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần). Đây là vô trụ, chẳng những trong tâm Ngài không có pháp thế gian mà Phật pháp cũng không có. Vì sao vậy? Phật pháp vẫn là pháp do nhân duyên sanh. Kinh Kim Cang dạy: "*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp?*" (Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp). "*Phi pháp*" là pháp thế gian, "*pháp*" là Phật pháp. Phật pháp lẫn thế gian pháp đều chẳng trụ, "chẳng trụ" là không để vào lòng, tâm quý vị sạch sẽ, thanh tịnh! "*Nhi sanh kỳ tâm*", sanh tâm gì? Tâm đại từ đại bi. Vì vậy, cái tâm ấy không phải là vắng lặng, Ngài vẫn còn có niệm, chứ không phải là vô niệm; đối với chính mình thì Ngài vô niệm, nhưng niệm niệm vì chúng sanh. Do vậy, Ngài sống bằng tấm lòng từ bi. "*Vô trụ*" và "*sanh tâm*" là một, không phải hai. Đây chính là pháp môn Bất Nhị. Bậc Tiểu Thừa vô trụ nhưng không sanh tâm, chẳng sanh khởi tâm từ bi. Phàm phu chúng ta hễ sanh tâm thì phải trụ, hễ sanh tâm ắt có trụ. Chỉ có Bồ Tát mới có thể vô trụ và sanh tâm đồng thời. Đây là chỗ cao minh của họ. Vì thế, các vị ấy có thể tăng quang. Chúng ta hãy xem nhé:

Cựu kinh vân "*câu sanh tử Niết Bàn môn*", vị bất trụ Niết Bàn tức sanh tử môn, bất trụ sanh tử tức Niết Bàn môn.

舊經云求生死涅槃門，謂不住涅槃即生死門，不住生死即涅槃門。

(Bản dịch cũ (tức Lục Thập Hoa Nghiêm) ghi là "*câu sanh tử Niết Bàn môn*", ý nói: Chẳng trụ Niết Bàn thì là sanh tử môn, chẳng trụ sanh tử thì là Niết Bàn môn)

Niết Bàn là "*vô trụ*", sanh tử là "*sanh tâm*". Vị ấy sanh tâm là vào trong lục đạo độ chúng sanh, đáng nên dùng thân nào để độ được bèn thị hiện thân ấy. Giống như Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, đáng nên dùng thân nào để độ được bèn thị hiện thân ấy. Tuy thị hiện thân, tâm Ngài thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần; vì thế, luận theo phía Ngài thì Ngài trụ Niết Bàn, luận theo phía chúng sanh, Ngài trụ trong sanh tử. Cả hai phía Ngài đều trụ, mà cũng có thể nói là cả hai phía Ngài đều chẳng trụ; bởi lẽ, chính Ngài đã trụ Niết Bàn nên Ngài không có sanh tử; Ngài trụ trong sanh tử, không trụ trong Niết Bàn, cả hai phía đều chẳng trụ. Vì thế gọi là "*đắc đại tự tại*". Do vậy, "*chẳng trụ sanh tử tức Niết Bàn môn*".

Nhị câu bất trụ, tức thị xuất nghĩa.

二俱不住，即是出義。

(Cả hai đều chẳng trụ chính là ý nghĩa của chữ Xuất)

Vượt thoát, chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn.

Do câu bất trụ.

由俱不住。

(Do đều chẳng trụ)

Hai bên đều chẳng trụ.

Phương năng câu trụ.

方能俱住。

(Thì mới có thể đều cùng trụ)

"Trụ" ở đây chính là ý nghĩa của chữ "*nhập*". Nhập là thả chiếc bè từ, Ngài trụ vào cả hai bên. Tôi vừa mới nói, đối với chính Ngài mà nói thì Ngài trụ trong Niết Bàn, đối với hết thảy chúng sanh để nói thì Ngài trụ trong sanh tử. Cả hai bên Ngài đều trụ, chẳng trụ mà trụ nên gọi là "*thị hiện*". Đây chính là sự thị hiện của Phật, Bồ Tát.

Bát tức thành tựu.

八即成就。

(Câu thứ tám là thành tựu)

Tức là câu "*cần cầu Bồ Tát ư vi vô vi tâm vô sở trước*" (siêng cầu Bồ Tát đối với hữu vi và vô vi, tâm không chấp trước). "*Vi*" là pháp hữu vi, "*vô vi*" là pháp vô vi, Ngài đều chẳng trụ vào pháp hữu vi lẫn pháp vô vi. Hai bên đều chẳng trụ thì mới gọi là thành tựu.

Ư vi vô vi tâm vô sở trước, hà hạnh bất thành?

於為無為心無所著，何行不成。

(Đối với hữu vi lẫn vô vi tâm đều không chấp trước, hạnh nào chẳng thành?)

Do vậy, vị ấy có thể ở trong thế gian thị hiện các thứ thân phận, thị hiện các thứ việc làm nhằm nêu gương cho hết thảy chúng sanh, dạy hết thảy chúng sanh "chẳng biến đổi cuộc sống hiện tại của quý vị". Hiện thời quý vị đang sống như thế nào thì quý vị cứ sống như thế nấy, chẳng thay

đổi công việc hiện tại của quý vị, chẳng thay đổi hoàn cảnh sống của quý vị, quý vị hành Bồ Tát đạo ngay trong ấy. Điều này hay tuyệt đến cùng cực! Siêu phàm nhập thánh ở ngay trong ấy. Quý vị muốn vượt thoát lục đạo luân hồi, quý vị muốn vượt thoát mười pháp giới thì vượt nơi đâu? Vượt ngay trong cuộc sống hiện tại của chính mình, vượt thoát ngay trong công việc thường ngày hiện tại; quý vị thấy rất tự tại! Vị ấy nêu khuôn mẫu cho chúng ta, biểu diễn cho chúng ta xem. Trong kinh thường nói: "*Vì người khác diễn nói*". "*Diễn*" là nêu gương cho người ta nhìn vào, "*thuyết*" là giảng giải. Do vậy, đây là thành tựu thật sự.

Cỗ Thế Tôn thuyết tận vô tận pháp, bất tận hữu vi, bất trụ vô vi. Ư hữu vi giới thị vô vi pháp, ư vô vi giới thị hữu vi pháp. Hà sở trước tai?

故世尊說盡無盡法，不盡有為，不住無為。於有為界示無為法，於無為界示有為法，何所著哉。

(Cho nên đức Thế Tôn nói trọn hết pháp vô tận, chẳng tận hữu vi, chẳng trụ vô vi. Nơi hữu vi giới, chỉ bày pháp vô vi, trong vô vi giới chỉ bày pháp hữu vi! Há có gì để chấp nữa ư?)

Mấy câu chú giải này, khi tôi giảng kinh Kim Cang vào năm ngoái, [đã nói] mấy câu này là toàn bộ ý nghĩa kinh Kim Cang. Một bộ kinh Kim Cang từ đầu đến cuối đều nói mấy câu này. Quý vị thấy đó, trong thuở đức Phật thị hiện trong cõi đời, cuộc sống của Phật mỗi ngày là mặc y, trì bát, khất thực, trở về giảng kinh thuyết pháp cho hàng đệ tử. Đây chính là nêu gương cho người xuất gia. Du hóa mười phương, không ở nhất định một chỗ nào. Địa phương nào có duyên bèn đến nơi ấy du hóa. Trong thuở ấy, quả thật học sinh luôn lấy thầy làm gương, học sinh tại gia, nam, nữ, già, trẻ, các ngành các nghề đều có, thân cận đức Phật, nghe Phật thuyết pháp bèn giác ngộ, thực hiện sự nghiệp Bồ Tát trong công việc, trong nghề nghiệp của chính họ. Kẻ buôn bán thì làm một vị Bồ Tát thương nhân, tôi vừa mới nói rồi đó. Học sinh thì làm một vị Bồ Tát học sinh. Nội trợ thì làm một vị Bồ Tát nội trợ, lặt mình biến một cái đều biến thành Bồ Tát hết. Phàm phu đều biến thành Bồ Tát, lục đạo đều biến thành Nhất Chân pháp giới, chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, học Hoa Nghiêm nếu không hiểu đạo lý này, chẳng biết phương pháp này, sẽ không chuyển được cảnh giới, vậy là quý vị đã uống công học rồi, quý vị chẳng thọ dụng được. Học rồi phải biết dùng, trở về nhà chuyển được cảnh giới liền. Ấy chính là "*vô trụ sanh tâm*" như kinh Kim Cang đã nói. Câu cuối cùng:

Viên mãn.

圓滿

Tức câu "cần cầu Bồ Tát trừ đoạn chúng sanh chủng chủng phiền não vi tế quá thất" (siêng cầu Bồ Tát trừ dứt các lỗi lầm vi tế phiền não của chúng sanh).

Năng trừ chúng sanh vi tế quá thất, phương viên mãn cố.

能除眾生微細過失，方圓滿故。

(Vì trừ được những lỗi lầm nhỏ nhặt của chúng sanh thì mới viên mãn).

Đừng nói là không có lỗi lầm lớn, lỗi lầm nhỏ nhặt cũng đều không có. Đấy mới là đạt đến viên mãn. Nếu chúng ta hỏi, do đâu mà có lỗi lầm? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nơi tự tánh thanh tịnh trong tâm vốn không có, không hề có ba món ấy! Do vậy, chúng là hư vọng. Vì sao không gạt bỏ hư vọng ấy? Thật ra, bỏ chẳng được! Hãy học theo những kẻ chất phác, trong mười hai thời [chỉ có] một câu Phật hiệu thì lỗi lầm nhỏ nhặt quý vị cũng không có nữa. Suốt ngày từ sáng đến tối A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, nào còn có lỗi lầm gì? Biện pháp ấy tốt đẹp cho nên đối với người thật thà niệm Phật lỗi lầm nhỏ nhặt cũng không có. Chúng ta đi theo con đường này, dễ đi, đã vừa hết sức ổn thỏa, thích đáng, vừa hết sức thiết thực, trong một thời gian ngắn sẽ có thể thành đạt to lớn. A! Hôm nay, tôi giảng đến đây thôi.

Tập thứ tư (12-03-04)

Xin mở quyển kinh, trang thứ mười một, dòng thứ nhất.

Thiện nam tử! Ngã đắc tự tại quyết định giải lực, tín nhãn thanh tịnh, trí quang chiếu diệu, phổ nhãn minh triệt, cụ thanh tịnh hạnh.

善男子，我得自在決定解力。信眼清淨。智光照曜。普眼明徹。具清淨行。

(Này thiện nam tử! Ta đắc tự tại quyết định giải lực, tín nhãn thanh tịnh, trí quang chiếu rạng, phổ nhãn soi thấu suốt, đầy đủ hạnh thanh tịnh).

Đến đây là một tiểu đoạn. Trong đoạn này, tỳ-kheo Cát Tường Vân truyền dạy pháp yếu cho Thiện Tài đồng tử. Ngài truyền thọ pháp do chính Ngài tu học; chẳng những chính Ngài tu học mà chính Ngài còn đã chứng đắc. Do chính Ngài đã đích thân chứng đắc thì mới có thể nói tới chuyện truyền pháp. Nếu chính mình chẳng đích thân chứng đắc, sẽ chẳng thể nói đến chuyện truyền dạy được! Câu này ý nghĩa rất sâu. Trong một câu trên đây đã nói đến bốn chuyện. Ngài nói: "Ta đã đạt được", điều thứ nhất là "tự tại". Ngài đã đạt được tự tại rồi! Ngài đạt đến "quyết định" và "giải lực".

Trong một câu này bao gồm bốn sự kiện, bốn câu tiếp theo là nói về đức lực của Ngài. Đây là cảnh giới của bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, cảnh giới “phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”. Chúng ta hãy xem chú giải:

Đệ nhị.

第二。

Chữ “*đệ nhị*” chỉ đoạn thứ hai.

Thiện nam tử! Ngã đắc.

善男子! 我得。

(Này thiện nam tử! Ta đạt được)

Đoạn kinh văn thứ hai là từ câu này trở đi, chỉ ra đoạn kinh văn này.

Chánh thị pháp giới.

正示法界。

(Chỉ thẳng vào pháp giới).

“*Thị*” là chỉ dạy, đến chỗ này mới chánh thức chỉ dạy sự khế nhập pháp giới.

Tức Niệm Phật tam-muội, thôi thẳng chi nội phương cử kỳ danh.

即念佛三昧。推勝之內，方舉其名。

(Chính là Niệm Phật tam-muội, nhưng đến phần đề cao người khác cao trội hơn ta thì mới nêu ra danh hiệu [của môn tam-muội] này)

Phần “*thôi thẳng*” (đề cao vị thiện tri thức khác cao trội hơn mình) nằm trong đoạn thứ tư. Ở đây là đoạn thứ hai. Trong đoạn thứ tư, tỳ-kheo Cát Tường Vân mới nói đem danh xưng của pháp giới do chính mình đã chứng được, danh xưng của quả vị chính mình đã chứng được để nói ra. Đây là đoạn kinh văn trong phần sau.

Kim chánh thị trung, duy chương thể dụng.

今正示中，唯彰體用。

(Nay trong phần chánh thức giảng giải cảnh giới này, chỉ nêu bày Thể và Dụng)

Trong đoạn này, trọng điểm trong lời chỉ dạy của [tỳ-kheo Cát Tường Vân] dành cho Thiện Tài đồng tử là Thể và Dụng của sự tu học, tức Thể và Dụng do Ngài đã chứng đắc.

Văn trung nhị, tiên minh thể tướng, hậu biện thắng dụng.

文中二。先明體相，後辨勝用。

(Kinh văn được chia thành hai phần, trước hết nêu ra thể tướng, kế đó là biện định tác dụng thù thắng)

Trong đoạn kinh văn này có hai đoạn, đây là đoạn thứ nhất, thuyết minh về thể tướng.

Văn hữu ngũ cú, cụ hàm danh nghĩa. Hạ kết danh vân.

文有五句，具含名義。下結名云。

(Kinh văn gồm năm câu, chứa đựng đủ cả danh và nghĩa. Trong lời kết luận ở phần sau, sẽ nêu [danh xưng của môn giải thoát này])

Ở chỗ này, đại sư đem phần kinh văn tiếp theo trích lục ở nơi đây. Trong đoạn thứ tư, tỳ-kheo Cát Tường Vân sẽ nói ra danh xưng của pháp Ngài đã đắc.

Ngã duy đắc thử "ức niệm chư Phật bình đẳng cảnh giới vô ngại trí huệ phổ kiến pháp môn" cố.

我唯得此憶念諸佛平等境界無礙智慧普見法門故。

(Ta chỉ đạt được pháp môn "trí huệ vô ngại thấy trọn khắp, nghĩ nhớ cảnh giới bình đẳng của chư Phật" này)

Câu này nói về sở chứng của tỳ-kheo Cát Tường Vân.

Văn trung sơ cú vi tổng.

文中初句為總。

(Câu đầu tiên trong kinh văn là nói chung)

Tôi vừa mới nói [điều này] với quý vị.

Tự tại quyết định giải lực.

自在決定解力。

([tức là giảng về] sức tự tại quyết định giải)

Đây là câu nói chung, tiếp theo là giảng rõ cho chúng ta biết ý nghĩa của câu này.

Tự tại hữu nhị nghĩa, nhất quán cảnh tự tại, dục quán, bất quán, nhược nhất, nhược đa, giai tự tại cố.

自在有二義。一觀境自在。欲觀不觀，若一若多，皆自在故。

("Tự tại" có hai nghĩa. Một là quán cảnh tự tại, vì muốn quán hay không quán, hoặc một, hoặc nhiều đều tự tại)

"*Quán, bất quán, nhược nhất, nhược đa*", nói thật ra, như vậy là đã chẳng dễ dàng rồi, làm sao mới được tự tại đối với cảnh được quán ở đây? Đây là một câu hỏi lớn. Chữ Quán này chính là sáu căn khởi tác dụng. Sáu căn đối với cảnh giới sáu trần khởi tác dụng thì dùng chữ Quán. Mắt thấy sắc là Quán, tai nghe tiếng cũng gọi là Quán. Mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, đều dùng chữ [Quán] này để tượng trưng. Bọn phàm phu chúng ta sáu căn tiếp xúc sáu trần chẳng được tự tại, vì sao không tự tại? Khởi lên tình cảm, tình cảm hết sức phức tạp! Cổ đức Trung Quốc đem những mỗi tình cảm phức tạp ấy quy nạp thành "*thất tình, ngũ dục*"; thất tình ngũ dục là quy nạp thành từng loại để nói cho tiện. Nói một cách khác, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm nói chung chẳng ngoài phạm vi thất tình ngũ dục, quý vị chẳng được tự tại. Các Ngài thật sự được tự tại. Vì sao họ có thể tự tại? Họ đã lìa khỏi thất tình ngũ dục.

Nếu quý vị nghe giảng bộ kinh này từ chương Thập Tín ở phần trước cho đến chỗ này, tôi nghĩ chắc chẳng khó hiểu cho lắm. Sơ Trụ Bồ Tát đã đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo. Kiến Tư phiền não đoạn rồi, chẳng còn tạo lục đạo luân hồi nữa. Chẳng những Kiến Tư phiền não đã đoạn mà Trần Sa phiền não cũng đoạn, trí huệ của vị ấy mở mang. Lại phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, cùng dùng một chân tâm với chư Phật Như Lai. Không nhập cảnh giới ấy là vì chúng ta sử dụng vọng tâm, quý vị phải biết điều này. Nay chúng ta khởi tâm động niệm chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm. Trong Pháp Tướng, vọng tâm được gọi là "*năm mươi một Tâm Sở của tám Thức*", năm mươi một Tâm Sở nơi tám Thức ấy đều là vọng tâm. Sách Bách Pháp Minh Môn vừa mở đầu liền nói tới Hữu Vi Pháp. Trong Hữu Vi Pháp, loại thứ nhất là Tâm Pháp, tức là tám Thức, [còn gọi là] tám Tâm Vương. Loại thứ hai là Tâm Sở Pháp, tức là những pháp được sở hữu bởi tâm, gồm năm mươi một thứ. Loại thứ ba là Sắc Pháp, loại này là vật chất. Loại thứ tư là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, có hai mươi bốn loại lớn. Những pháp này gom lại gồm chín mươi bốn

loại, đều gọi là Hữu Vi Pháp, chẳng phải là thật. Hữu Vi là có sanh có diệt, có tạo tác. Kinh Kim Cang dạy: "*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ, diệc như điện. Ứng tác như thị quán*" (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Như sương, cũng như chớp. Hãy nên quán như thế). Quán như vậy là tự tại, biết toàn thể là giả, "Tâm, Tâm Sở" là Năng, Sắc pháp là Sở³[3]. Năng và Sở đều là giả, không có thứ nào là thật. Vì thế, vị ấy đã tự tại, vượt trời mười pháp giới rồi; không chỉ vượt trời tam giới mà còn vượt trời mười pháp giới.

Học Phật đến trình độ như vậy thì mới tính là thật sự có kết quả. Thừa cùng chư vị, chỉ là tách rời lục đạo luân hồi; giải quyết xong sanh tử trong lục đạo luân hồi thì trong Phật pháp gọi là "*chứng tiểu quả*". [Bất luận] Đại Thừa, Trung Thừa, Tiểu Thừa [hể giải thoát lục đạo luân hồi] thì là tiểu quả, được coi là có kết quả, quý vị đã vượt khỏi lục đạo rồi. Do đây biết rằng: Không vượt thoát lục đạo luân hồi thì đều là không có kết quả. Không cần biết quý vị tu như thế nào, hể quý vị không có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi thì quý vị không có kết quả, nhất định phải hiểu điều này, phải hiểu cho rõ! Đây là chuyện lớn. Chiếu theo lời kinh giáo đã dạy, tu học như thế đó, nói thật ra, hết sức khó khăn! Trong chúng ta, mấy ai có thể thấy sắc, nghe tiếng, mà thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Nói thì dễ dàng sao, mọi người đều nghe quen tai quá rồi, quý vị cũng nói được mà! Nhưng quý vị có làm được hay không? Nếu quý vị không làm được thì vẫn sanh tử luân hồi y như cũ!

Nếu như trong Phật pháp, gặp phải nghịch cảnh, cảnh chẳng vừa ý muốn của chính mình, bèn dấy tâm nóng giận, dấy lòng ghen ghét, tạo nghiệp đấy! Tạo nghiệp rất dễ dàng, dẫu thời gian cũng chẳng lâu, quả báo đã chẳng thể nghĩ bàn. Từ kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo, quý vị đã thấy rồi đó, quả báo thật đáng sợ lắm. Đọa địa ngục, nếu tính theo thời gian của chúng ta là một ngàn tám trăm vạn năm. Sau khi thoát khỏi địa ngục, thì là nợ quý, súc sanh, hoặc cũng là kẻ bần cùng hạ tiện trong loài người, sáu căn chẳng đầy đủ, chịu đủ thứ vùi dập. Đến khi thời Mạt Pháp của đức Thế Tôn đã qua, [thời Mạt Pháp của] cả ba đức Phật đều đã qua hết rồi, tới thời Mạt Pháp của đức Phật thứ tư mới được làm thân người, mới nghe Phật pháp. Quý vị nói xem: Thời gian dài như thế đó! Vì vậy nếu quý vị lảng lờ nghĩ ngợi, mới biết chuyện này đáng sợ lắm!

3[3] Năng là chủ thể tác động, Sở là đối tượng được cảm nhận, được nhận biết, bị tác động. Chẳng hạn như khi ta nhìn một bông hoa, Nhãn Thức nhận biết bông hoa ấy thì Nhãn Thức là Năng (do Nhãn Thức là một trong tám thức nên còn gọi là Tâm Vương), cái thấy của Nhãn Thức được gọi là Năng Kiến, còn bông hoa là đối tượng nhận biết của Nhãn Thức nên gọi là Sở, hay Sở Kiến (cái bị thấy).

Như vậy thì đối với chúng ta, "quan cảnh tự tại" vô cùng trọng yếu. Nếu chúng ta thật sự có trí huệ, biết thân tâm thế giới toàn là giả, toàn là không, chẳng sốt sắng nữa, chẳng cần phải so đo nữa, quý vị được tự tại rồi. Nếu quý vị vẫn sốt sắng so đo, quý vị chẳng được tự tại! Ở đây là nói tới cảnh giới của Bồ Tát. Trong cảnh giới Bồ Tát, tận hư không, khắp pháp giới, hết thảy các cõi Phật, y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hễ vị ấy mong trông thấy [những thứ ấy], chúng bèn hiện tiền; nếu vị ấy không nghĩ tới, cảnh giới ấy sẽ chẳng có. Giống như chúng ta xem truyền hình vậy, chúng ta muốn thấy thì vặn qua bằng tần ấy, màn hình bèn hiện hình. Không mong thấy, sau khi tắt đi, màn hình không còn gì nữa. Chúng ta vẫn còn phải giơ tay vặn, chứ các vị Bồ Tát ấy không cần, chỉ cần khởi ý niệm, mong trông thấy, cảnh giới bèn hiện tiền. Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là cảnh giới ấy. Bản thân chúng ta phải dựa vào công phu của chính mình, tu đến cảnh giới ấy, khó quá! Quá sức khó khăn! Thế nhưng nếu niệm A Di Đà Phật, đời nghiệp vãng sanh thì rất dễ dàng, có thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được!

Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn Niệm Phật. Trong lời chú giải của đại sư Thanh Lương ở phần trước, Ngài đã giảng cặn kẽ cho chúng ta: Ngài Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Điều này nhằm bảo với chúng ta: Trong pháp môn Niệm Phật, điều quan trọng nhất là Hành, quyết định chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Vì thế, Bồ Tát thị hiện cho chúng ta thấy Ngài đi kinh hành trên ngọn núi khác. Điều này nhằm bảo với chúng ta: "Trong Niệm Phật Đường, lấy kinh hành làm chủ!" Các vị đồng tu muốn tu pháp môn này chẳng thể không biết điều này. Nay chúng ta gọi [đi kinh hành] là "nhiều Phật", lấy nhiều Phật làm chủ. Xưa kia, tổ sư đại đức dạy chúng ta, người niệm Phật phải niệm ra tiếng. Trước kia không có máy niệm Phật, trong Niệm Phật Đường niệm ra tiếng, người nhiều Phật niệm ra tiếng, niệm mệt rồi bèn có thể ngồi xuống. Ngồi xuống gọi là Chỉ Tĩnh, niệm thầm trong tâm chứ không niệm ra tiếng, nghỉ ngơi. Ban thứ nhất nhiều Phật rồi nghỉ ngơi, nhiều mấy vòng rồi nghỉ ngơi, ban thứ hai nhiều tiếp, khi đó ban thứ hai niệm ra tiếng. Trước kia chia thành ba ban, trong ba ban thì một ban niệm ra tiếng, quý vị có được hai tiếng để nghỉ ngơi, có thể khôi phục thể lực được. Ba ban niệm. Vì vậy, lấy nhiều niệm làm chủ.

Hiện nay chúng ta chia Niệm Phật Đường làm ba khu: Khu chỉ tịnh, khu nhiều Phật, khu lễ Phật. Lễ Phật cũng không niệm ra tiếng, niệm thầm trong tâm chẳng thốt ra tiếng; lễ Phật niệm ra tiếng sẽ bị tổn khí. Vì vậy, niệm ra tiếng là lúc nhiều Phật. Phương pháp nhiều Phật hiện thời của chúng ta tốt lắm, không phân ra từng ban. Mỗi một ban thì phải tới lui cùng

lúc với mọi người, nay chúng ta hoàn toàn tự do, hoàn toàn rất tự do! Quý vị khoẻ khoắn thì nhiều nhiều hơn mấy vòng nữa; quý vị yếu ớt, nhiều vài vòng đã mệt thì quý vị có thể tùy ý nghỉ, chẳng cần phải cùng tiến hay lui theo mọi người, chúng ta không bị áp lực! Niệm ra tiếng thì quý vị niệm tiếng lớn hay nhỏ không sao cả; quý vị niệm lớn tiếng cũng được mà nhỏ tiếng cũng được. Chỉ cần tốc độ niệm Phật hiệu rất nhịp nhàng là được rồi. Hiện thời chúng ta dùng tốc độ niệm của máy niệm Phật, niệm khớp với tốc độ của máy niệm Phật là được rồi. Nhất định phải biết nhiều Phật nhiều chắc chắn sẽ có lợi cho thân thể. Trong chương kinh này, Cát Tường Vân Bồ Tát đã dạy cho chúng ta điều này. Như vậy thì mới được tự tại.

Bởi lẽ đó, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì cảnh giới ấy hoàn toàn hiện tiền. Nếu quý vị hoài niệm thế giới Sa Bà, hoài niệm thành phố Đài Bắc ở Đài Loan, hể quý vị muốn thấy thì cảnh giới ấy lập tức hiện tiền giống như màn hình TV vậy, quý vị hoàn toàn trông thấy. Nghĩ đến chỗ nào liền có thể thấy nơi đó. Chẳng những cảnh giới hiện tiền hiện được, mà cảnh quá khứ cũng hiện được! Năm mươi năm trước Đài Loan như thế nào? Một trăm năm trước Đài Bắc ra sao? Quý vị khởi niệm thì cảnh giới ấy hoàn toàn hiện tiền, có thể trông thấy được quá khứ, cũng có thể thấy được vị lai, mười phương hết thảy các cõi Phật quý vị muốn thấy những nơi ấy thì chúng đều hiện tiền. Đây là "*quán cảnh tự tại*".

Nhị, tác dụng tự tại.

二作用自在。

(Điều thứ hai là tác dụng tự tại).

"*Tác dụng tự tại*" là "muốn đi, muốn ở, tùy tâm tạo thành vậy". Điều này càng chẳng thể nghĩ bàn, quý vị trông thấy mười phương cõi nước, hoặc là mười pháp giới, hoặc là lục đạo, trông thấy không ít chúng sanh có duyên với mình, trong đời quá khứ đã từng sống ở những nơi ấy nên có duyên. Trông thấy những kẻ hữu duyên rồi lại quán sát cận kề, hể duyên đã chín muồi thì đến giảng giải Phật pháp cho người ấy, người ấy sẽ tin tưởng, sẽ tiếp nhận, như vậy là thành thực họ. Quý vị có thể hiện thân, vào trong cảnh giới ấy, giống như ba mươi hai ứng thân trong phẩm Phổ Môn vậy. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát liền ứng. Vậy thì những người ấy trọn chẳng yêu cầu chúng ta đến độ họ. Nếu họ mong quý vị đến độ họ thì sự cảm ứng ấy rõ rệt, rất rành rẽ, hiển cảm, hiển ứng, quý vị cũng ứng đến rõ rệt. Quý vị quán sát căn tánh người ấy đã chín muồi, tuy người ấy không khởi tâm động niệm, sự cảm ứng ấy vẫn thành công, nên gọi là "*minh cảm*".

(cảm ứng ngấm ngầm). Thậm chí chính người ấy không biết. Thế nhưng Bồ Tát biết, Bồ Tát cũng đến thị hiện.

Vì thế cảm ứng đạo giao có bốn thứ: hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng (cảm rõ rệt, ứng rõ rệt; cảm rõ rệt, ứng ngấm ngầm; cảm ngấm ngầm, ứng ngấm ngầm; cảm ngấm ngầm, ứng rõ rệt), bốn thứ! Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo mười pháp giới, đây gọi là "*tác dụng tự tại*". Chúng ta xem tới câu này, chẳng niệm Phật có được hay chẳng? Chúng ta cũng rất mong mỗi chính mình cũng sẽ rất mau chóng đạt được cảnh giới ấy. Hiện thời chỉ có một biện pháp là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ khó hay dễ? Thưa với quý vị, chẳng khó khăn chút nào! Khó ở chỗ nào? Khó là vì quý vị không chịu làm! Nếu thật sự chịu làm, chúng tôi từng thấy những gương niệm Phật vãng sanh, thời gian từ ba năm đến năm năm là đủ rồi! Hiện thời chúng ta niệm tà tà hồ hững, một câu Phật hiệu lúc có lúc không, do vậy niệm chẳng thành công. Thật sự chịu niệm thì chuyện ấy đâu có khó, nhất định thành tựu! Vãng sanh đến thế giới Tây Phương, quý vị sẽ hoàn toàn đạt được cảnh giới trong năm mươi ba lần tham học. Đây là nói về tác dụng. Đây là tự tại, hai thứ tự tại.

Quyết định diệc nhị nghĩa, nhất trí quyết đoạn cố, nhị tín vô hoặc cố.

決定亦二義。一智決斷故。二信無惑故。

(Quyết định cũng có hai nghĩa, một là trí quyết đoạn, hai là tin tưởng không mê hoặc).

Hai thứ quyết định. "*Trí quyết đoạn*": "*Đoạn*" này chẳng những là đoạn nghi mà còn là phiền não, tập khí đều đoạn trừ hết. Tập khí Kiến, Tư, Trần Sa đều đoạn hết. Quý vị phải biết, phải dựa vào trí huệ để đoạn, không có trí huệ sẽ chẳng thể đoạn được! Định chỉ có thể đè nén phiền não, chẳng thể đoạn phiền não. Những người tu Thiền Định, dùng Định để khuất phục khiến phiền não chẳng khởi tác dụng, từ Định mở mang trí huệ sẽ đoạn được phiền não. Do đây biết được rằng: Nếu quý vị muốn mở mang trí huệ, quý vị chẳng thể không tu Định; quý vị không tu Định, chắc chắn chẳng thể mở trí huệ được. Trí huệ là do Định mà có. Định là gì vậy? Tâm thanh tịnh. Trong Vô Lượng Thọ Kinh, cương lĩnh tu hành là "*thanh tịnh, bình đẳng, giác*". Thanh tịnh và bình đẳng là Định, giác là Huệ. Giác chính là trí huệ. Vì vậy, trí huệ khởi phát từ thanh tịnh, bình đẳng. Nếu tâm quý vị chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, chắc chắn quý vị không có trí huệ. Trong thế gian vẫn có rất nhiều kẻ thông minh, như những nhà khoa học phát minh ra rất

nhieu thứ, thừa với quý vị, trong Phật pháp chẳng gọi đây là trí huệ mà gọi là Thế Trí Biện Thông. Trong Phật pháp gọi họ là thông minh, chứ không phải là trí huệ. Cũng có nghĩa là loại trí huệ ấy của bọn họ và trí huệ của Phật, Bồ Tát có chỗ bắt nguồn khác nhau. Trí huệ của Phật, Bồ Tát là từ Định mở ra, trí huệ của người thế gian là từ nghiên cứu, từ phân biệt mà phát sanh. Nói cách khác, người ấy vẫn dùng tâm ý thức, sử dụng vọng tâm, cho nên gọi là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là chân trí huệ. Vì thế dù trí huệ của bọn họ cao siêu, những phát minh khoa học kỹ thuật hiện thời rất mạnh mẽ, bọn họ chẳng đoạn được phiền não, không có năng lực đoạn được phiền não; điều này hết sức rõ ràng! Trí huệ chân chánh sẽ đoạn được phiền não, phá vô minh. Dù khoa học gia trí huệ cao minh vẫn chẳng thể đoạn được phiền não, chẳng thể phá được vô minh. Nói cách khác, họ không thoát khỏi lục đạo luân hồi được. Chúng ta nhất định phải phân biệt điều này rõ ràng, phải cầu chân trí huệ, chắc chắn phải từ trí huệ phát sanh thì mới đoạn được phiền não, mới có thể phá được vô minh.

Thứ hai, "*tín vô hoặc cố*", Hoặc (惑) là mê hoặc. Câu này đặc biệt nhấn mạnh "đoạn nghi, sanh tín". Ngài nói câu này ý nghĩa rất sâu, quả thật là nói về pháp môn Niệm Phật. Pháp môn này là pháp khó tin mà! Rất khó! Ngay như Thiện Tài đồng tử đi tham học, gặp vị thứ nhất là tỳ-kheo Cát Tường Vân truyền dạy cho Ngài Ban Châu tam-muội, truyền dạy phương pháp này. Ban Châu tam-muội lấy "niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới" làm mục đích. Bởi vậy, quý vị hãy nghĩ xem, Thiện Tài học pháp môn gì? Niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ, chứ không cầu chi khác! Đây là mở đầu, đến lần tham học cuối cùng gặp vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát đem mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, Ngài đã viên mãn rồi, đã đến thế giới Cực Lạc rồi. Điều này cho thấy từ đầu đến cuối là "triệt để thâm nhập một môn", những gì Ngài tham học trong khoảng thời gian ấy đều nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Ngài thông đạt hết thảy pháp môn, pháp nào cũng hiểu rõ, nhưng thứ gì Ngài cũng không học. Một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, người ta cao minh ở chỗ này!

Nay chúng ta tham học một cách lằm lạp, tham phỏng những vị thiện tri thức, hễ được truyền dạy một pháp môn thì môn gì cũng đều muốn học hết, học loạn mất rồi! Học tạp rồi! Học loạn cào cào! Chỗ này có ý nghĩa rất sâu, rất sâu đấy nhé! Thiện tri thức chân chánh chẳng phải là người tầm thường. Nếu họ muốn gây trở ngại cho quý vị thì sẽ chẳng truyền dạy cho quý vị pháp môn họ đã chọn lựa để tu học lúc ban đầu; vì sao vậy? Vị ấy phá hoại pháp môn của quý vị! Trong nhà Phật thường nói: "*Ninh động*

thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm” (Thà động nước ngàn sông, chẳng khuấy động đạo tâm của người khác). Quý vị làm sao có thể phá hoại pháp môn tu tập chánh yếu của người khác cho được? Vì thế, tham học không dễ dàng, cần phải hội đủ điều kiện tham học. Truyền pháp càng chẳng dễ dàng. Quý vị muốn học pháp môn này với tôi, muốn nghe, muốn thấy pháp tôi tu tập, thì chính quý vị vốn đang tu tập pháp môn nào vậy? Quý vị có lòng tin nơi pháp môn ấy hay không? Có tâm nguyện hay không? Nghe người khác nói, tâm quý vị có bị dao động hay không? Có bị biến đổi hay không? Nếu tâm quý vị dao động, biến đổi, lại muốn học, tu thử một phen, thì quý vị không có tư cách tham học, tôi không dạy cho quý vị đâu! Người thật sự đạt đến mức không động lòng, “tôi có thể tiếp xúc, có thể nghe, có thể thấy, nhưng trọn chẳng động lòng” thì vị thiện tri thức ấy bèn truyền dạy cho quý vị.

Vậy là quý vị đã thâm nhập thành tựu một môn rồi, vì sao phải tìm hiểu những pháp môn ấy? Phải hiểu rõ những pháp môn ấy? Nhằm thành tựu trí huệ viên mãn, chẳng phải vì chính mình, mà nhằm giúp đỡ hết thảy chúng sanh căn tánh bất đồng, vì họ mà học, chứ chẳng vì ta mà học. Vì tự mình thì quý vị thấy Thiện tài một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, đây là học cho chính mình. Do căn tánh của chúng sanh không giống nhau, vẫn còn rất nhiều người chẳng tin tưởng pháp môn Niệm Phật, làm thế nào đây? Chúng ta đem pháp môn ấy giới thiệu với họ, đó gọi là pháp phương tiện. Do vậy, học vô lượng pháp môn nhằm mục đích “tiếp dẫn vô lượng chúng sanh”. Thế nhưng quý vị phải nhớ rõ, tiếp dẫn vô lượng chúng sanh là phương tiện, tối hậu vẫn là nhằm dẫn dụ họ về pháp môn Niệm Phật. Nếu chẳng thể đưa họ về pháp môn Niệm Phật thì vị [học hạnh Bồ Tát] ấy vẫn chẳng thể thành tựu. Đây chính là khai thị trong phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, tức Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm. Chúng ta phải thấu hiểu lý luận, phương tiện thiện xảo ấy; có như vậy thì mới thật sự thọ dụng được. Bởi vậy, nói “*tín vô hoặc cố*” (vì tin tưởng không mê hoặc), chính là như kinh Kim Cang đã dạy: “*Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng*” (Tín tâm thanh tịnh liền sanh Thật Tướng). Đối với việc niệm Phật vãng sanh thành Phật, quyết định không có nghi hoặc, quyết định chẳng dao động. Có tín tâm ấy, có nguyện tâm ấy, chắc chắn được vãng sanh. Đây chính là hai ý nghĩa của chữ quyết định. Tiếp theo là chữ “*giải*”.

Giải tức thắng giải, diệt hữu nhị nghĩa.

解即勝解，亦有二義。

(Giải chính là hiểu thù thắng, cũng có hai nghĩa)

"Thăng" là thù thắng. Nói cách khác, chẳng phải là thấu hiểu thông thường mà là hiểu rõ, thâm nhập rất sâu. Ở đây, đại sư Thanh Lương bảo chúng ta: Sự thăng giải này có hai ý nghĩa.

Nhất vi tín nhân, ư cảnh nhẫn khả cố.

— 為信因，於境忍可故。

(Một là tin vào nhân, do có thể nhẫn đối với cảnh)

Đây là nói rõ: "*Vạn pháp đều là không, nhưng nhân quả chẳng không*". Quý vị phải nhớ kỹ! Nhân quả có nằm trong vạn pháp hay chẳng? Thưa với quý vị, nó cũng nằm trong vạn pháp, trọn chẳng phải là nhân quả nằm ngoài vạn pháp, chẳng phải vậy, nó cũng nằm trong ấy. Nhưng vạn pháp đều là không; vì sao nhân quả chẳng không? Thưa quý vị, "*nhân quả chẳng không*" là do đối với chúng sanh trong mười pháp giới mà nói. Chính vì "*nhân quả chẳng không*" nên quý vị mới có thể tu hành chứng quả. Nếu nhân quả là không, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng có hy vọng ngoi đầu ra được, quý vị vẫn phải sanh tử, có thoát luân hồi được hay chẳng? Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là quả báo, hễ có quả ắt phải có nhân. Hiện tướng (tướng được biến hiện) tuy là "*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*", là giả! Tuy giả, nhưng chẳng thể nói là không có tướng. Nay những hiện tướng đều bày trước mắt chúng ta, chẳng thể nói là "không có". Chư Phật, Bồ Tát thấy những tướng ấy là giả tướng, chẳng phải là thật có. Nhưng quý vị chẳng thể không thừa nhận nó tạm thời tồn tại, vì thế là tạm có, chứ không phải là vĩnh hằng, chúng tạm thời có mà thôi! Đây chính là đạo lý "*nhân quả chẳng không*".

Mười pháp giới biến hiện như vậy, lục đạo luân hồi cũng biến hiện theo đạo lý ấy. Chúng ta tu thành Thanh Văn, tu thành Duyên Giác, tu thành Bồ Tát, tu thành Phật đều chẳng lìa khỏi đạo lý ấy. Đây gọi là "*nhân quả chẳng không*", chúng ta phải tin tưởng. Nhất là pháp môn Tịnh Độ, pháp môn Tịnh Độ kiến lập trên Tín, Nguyện, Hạnh, ba điều kiện ấy được gọi là "ba tư lương". Ba điều kiện đầy đủ thì quý vị quyết định được vãng sanh. Trong sách Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã giảng về điều kiện Tín như sau: Điều thứ nhất là phải tin vào chính mình, tin chính mình và A Di Đà Phật có quan hệ mật thiết, tin chính mình và Tây Phương Tịnh Độ có quan hệ mật thiết, quý vị phải có tín tâm ấy. Dựa vào đâu mà chúng ta có thể thấy A Di Đà Phật? A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà của chúng ta, quan hệ ấy mật thiết lắm! Vì sao chúng ta có tư cách vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Tây Phương Tịnh Độ là duy tâm Tịnh Độ của chính mình, còn có gì để nói nữa! Nói cách khác, đây là quê nhà của quý vị. Quý vị thích trở về lúc nào thì trở về, ai

cũng không ngăn trở quý vị được! Do vậy, quý vị phải tin tưởng điều này. Tín tâm trong pháp tu Tịnh Độ được tạo dựng trên cơ sở này.

Thứ hai là tín tha, Tha là Phật Thích Ca và Phật Di Đà. Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta, Ngài giảng cho chúng ta ba kinh [Tịnh Độ]. Chúng ta tin tưởng đức Thế Tôn nói ra câu nào cũng chân thật, không có một chữ nào giả dối. Chúng ta tin vào bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện nào cũng độ hết thầy chúng sanh, đương nhiên bao gồm cả chúng ta trong đấy. Chúng sanh tạo tội nghiệp cực nặng, trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh các quý vị đã thấy rồi đó, kẻ tạo tội nghiệp Ngũ Nghịch Thập Ác đều có thể vãng sanh. Điều này hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao tạo tội nghiệp nặng như vậy mà vẫn được vãng sanh? Tội nghiệp cũng là tánh không, cũng là pháp hữu vi, huyền, mộng, bọt, bóng, trọn chẳng thể được! Nhưng quý vị phải biết: Quý vị vãng sanh, tội nghiệp dầu cực nặng chẳng thể ngăn trở được, không chướng ngại quý vị được; nhưng nếu quý vị chẳng vãng sanh thì đấy mới là chướng ngại lớn. Ở đây tôi có một tỷ dụ, qua tỷ dụ này quý vị sẽ thấu hiểu được ý nghĩa này. Vãng sanh giống như quý vị tỉnh mộng, những chuyện trong mộng đều là hư vọng, đều là giả. Chưa vãng sanh thì quý vị vẫn đang nằm mộng, quý vị chưa tỉnh giấc. Chưa tỉnh giấc thì trong mộng có khổ, quý vị phải chịu đựng, có vui quý vị cũng phải lãnh nhận, quý vị không có cách nào chẳng nhận được. Vãng sanh chính là tỉnh mộng rồi! Do vậy biết rằng: Từ vô thủy kiếp đến nay, tội nghiệp cực nặng như mộng, huyền, bọt, bóng, vốn chẳng phải là chuyện gây chướng ngại, chẳng vãng sanh thì chúng sẽ trở thành chuyện chướng ngại. Không vãng sanh thì tội nghiệp cực nặng ấy sẽ khiến cho quý vị đọa trong tam ác đạo.

Vì thế, đối với người tạo tác tội nghiệp, quý vị không cần phải sợ hãi, không cần phải lo buồn nghiệp chướng của quý vị sâu nặng, làm sao quý vị có tư cách vãng sanh cho được? Quý vị có mỗi hoài nghi như thế là hỏng rồi! Trong ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh, không hội đủ điều kiện ấy. Theo Quán Kinh, vương tử A Xà Thế là kẻ tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác, giết cha, hại mẹ, hợp tác với Đề Bà Đạt Đa phá hòa hợp Tăng, chướng ngại Phật pháp, không điều ác nào chẳng làm. Cuối cùng, ông ta hồi tâm chuyển ý, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trong A Xà Thế Vương Kinh, đức Phật dạy chúng ta: "Ông ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thượng phẩm trung sanh". Tạo tội nghiệp nặng như vậy đều chẳng gây trở ngại [vãng sanh].

Quay đầu trở lại thì chúng ta thấy trong Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh có nói một vị tỳ-kheo, tức người xuất gia, vì ghen ghét mà chướng ngại một vị xuất gia hoằng pháp khác, bèn đọa địa ngục một ngàn

tám trăm vạn năm, vì nguyên nhân nào? Ông ta không niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ sẽ không có chuyện ấy! Quý vị hãy quay đầu nghĩ lại đi! Nếu như vua A Xà Thế không niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, sẽ phải chịu tội trong địa ngục nào? Kinh giáo gọi nơi ấy là địa ngục A Tỳ; kiếp số dài như thế nào, thời gian dài như thế nào, chư Phật Như Lai đều không nói ra. Kinh điển giảng những điều này [cho nên] quý vị phải chú tâm suy nghĩ, chú tâm thấu hiểu, người ấy có tạo tội nghiệp hay không? Đời này chẳng tạo tội nghiệp thì quý vị vẫn còn có đời trước, đời trước còn có đời trước nữa, từ vô lượng kiếp đến nay, có lẽ nào chẳng tạo tội nghiệp ư? Chỉ là tạo tội nghiệp lớn, nhỏ, nặng, nhẹ khác nhau, chứ không có chuyện chẳng tạo tội nghiệp!

Nhất định quý vị phải hiểu, đặc biệt là trong thời đại này. Thời đại này được gọi là dân chủ, tự do, cởi mở, trong xã hội này cơ hội tạo tội nghiệp đặc biệt nhiều. Nếu như không vãng sanh, có mấy ai có thể chẳng đọa trong tam ác đạo? Nếu quý vị nghĩ chính mình đời sau không đọa trong tam ác đạo thì chính mình hãy lắng lòng, lắng lòng suy nghĩ: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, năm giới ấy, quý vị có thể giữ được tám mươi phần hay không? Dựa theo lương tâm của quý vị để tính toán, coi thử quý vị có giữ được tám mươi phần hay không? Nếu giữ được tám mươi phần, đại khái đời sau quý vị được sanh trong loài người. Nếu trong năm điều trên, điều nào cũng phá sạch, điều nào cũng phạm tuốt, đời sau không thể làm thân người, hễ không được thân người thì sẽ đọa trong tam đồ! Nghiệp nhân của tam đồ là tham - sân - si.

Chúng ta hãy so sánh: Đối với tâm tham thì tâm tham [của quý vị] có nặng hay không? Đối tượng để quý vị tham muốn là ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Thậm chí học Phật vẫn tham Phật pháp, đây vẫn là tâm tham. Vì sao thứ gì cũng đều muốn học hết? Tham! Vì sao mỗi một pháp môn, kẻ ấy đều mong đạt được hết? Ngạo mạn! Chẳng chịu thua kém ai, hiếu thắng! Keo kiệt, hiếu thắng, làm sao không đọa vào ngạ quỷ cho được? Vì vậy, rất dễ đọa tam đồ, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này!

Ngoài việc dạy chúng ta phải tín tự, tín tha ra, đại sư Ngẫu Ích còn nói tới tín sự, tín lý, tín nhân, tín quả, những điều này chúng tôi không cần phải nói cặn kẽ, trong phần sau cũng sẽ nhắc tới.

Nhị vi tác dụng nhân.

二為作用因。

(Hai là tác dụng nhân)

Đại sư chú giải về "tín nhân" như sau: "*Ư cảnh nhẫn khả cố*" (Vì có thể nhẫn đối với cảnh). Mấy chữ "*Ư cảnh khả nhẫn*" này ý nghĩa rất sâu. Nhẫn là quý vị có thể chịu đựng; hễ cảnh giới hiện tiền liền biết nhân quả của nó, cũng như hiểu được hết thảy cảnh giới không gì chẳng phải do nhân duyên quả báo biến hiện. Trong cảnh thuận, đừng sanh tâm tham ái, quý vị nhịn được, chẳng khởi tham ái. Trong nghịch cảnh, chẳng sanh tâm nóng giận, cũng nhịn được. Vì thế, chữ Nhẫn này là: Trong những cảnh giới, quý vị giữ vững được cái tâm thanh tịnh, bình đẳng. Dùng phương pháp nào để giữ vững? "*Nhẫn khả*". Trong cảnh giới, quý vị đạt được tâm thanh tịnh, đạt tâm bình đẳng. Chữ Nhẫn này không chỉ có nghĩa là trong cảnh trái nghịch, quý vị phải nhẫn nại, mà trong thuận cảnh cũng phải nhẫn, thuận cảnh còn đáng sợ hơn nghịch cảnh. Trong tất cả cảnh giới đều phải nên nhẫn, giữ vững thanh tịnh, bình đẳng, mọi thứ đều như pháp, tùy duyên. Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm dạy chúng ta: "*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*", như vậy là tốt. Tiếp đó là:

Vi tác dụng nhân, ư cảnh ấn trì, viễn xứ vi cận, nhược đại, nhược tiểu, tùy tâm biến cố.

為作用因，於境印持，遠處為近，若大若小，隨心變故。

(Là tác dụng nhân, ấn trì nơi cảnh, chỗ xa trở thành gần, dù lớn, hay nhỏ đều tùy tâm biến hiện vậy).

Đương nhiên đây là cảnh giới của Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Đây chính là ý nghĩa thứ hai của "*thắng giải*". Chữ "*cảnh*" chỉ mười pháp giới, mười pháp giới bao gồm lục đạo, đây là ngoại cảnh. Bên trong ấy là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới do nhất tâm biến hiện, mười pháp giới là do tam tâm nhị cảnh biến hiện. Chúng ta gọi tam tâm nhị cảnh là "ngoại", nhất tâm là "nội". "*Ấn trì*": Ý nghĩa của chữ "ấn" hoàn toàn rõ rệt. "*Ấn*" có nghĩa là chứng minh. Từ xưa đến nay, người Trung Quốc thường hay nói tới ấn tín, ấn tín để làm gì? Chứng minh "đây không phải là giả". Vì vậy, "*ấn*" có nghĩa là chứng minh, tức là đối với sự lý nhân quả của mười pháp giới hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ, chẳng nghi hoặc mảy may nào! Ý nghĩa của chữ "*trì*" ở đây chẳng thể hoàn toàn hiểu là "*bảo trì*" được. "*Ấn trì*" chẳng thể hiểu là "*bảo trì*". Trong "*bảo trì*" có Năng và Sở, còn trong "*ấn trì*" không có Năng lẫn Sở. Do vậy, đối với chữ Trì ở đây, Phật pháp có một thuật ngữ gọi là "*pháp nhi như thị*" (pháp là như vậy). Đây chính là ý nghĩa của chữ Trì. Nói theo cách chúng ta bây giờ thì là tự nhiên, tự nhiên là như vậy. Hiện nay chúng ta gọi đó là "phát triển tự nhiên". Đối với đạo lý, quá trình, sự lý, nhân quả trong sự phát triển tự nhiên quý vị đều có thể thông đạt, hiểu rõ, đây chính là ý nghĩa của chữ "*ấn trì*".

"*Viễn xứ vi cận*" (Chỗ xa thành gần) là không còn có xa gần nữa! Thật đấy, chẳng giả đâu! Không có xa gần, xa gần là nói theo khoảng cách, cũng không có lớn nhỏ nữa. Kinh Hoa Nghiêm thường nói: "*Giới tử nạp Tu Di*" (Hạt cải chứa núi Tu Di). "*Giới tử*" là hạt cải, hạt cải rất nhỏ, to cỡ hạt mè. Núi Tu Di rất lớn, đem núi Tu Di nhét vào trong hạt cải, hạt cải không phình to, núi Tu Di không rút nhỏ, làm sao nhét vào được? Không có lớn nhỏ cho nên có thể nhét vào được. Tây phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Phật nói "*trong khoảng khảy ngón tay liền tới được*", không có xa gần! Đến khi nào quý vị mới không có lớn nhỏ nữa, không có xa gần nữa? Thưa với quý vị, thấy tánh rồi mới không có! Bởi lẽ tận hư không, trọn pháp giới đều do tự tánh biến hiện. Trong tự tánh nào có xa gần? Nào có lớn nhỏ? Nói như vậy, người chưa kiến tánh như chúng ta do vẫn dùng tâm ý thức, dùng phân biệt, vọng tưởng, chấp trước sẽ rất khó thể hiểu được, không cách nào tưởng tượng được, chẳng thể tưởng tượng nổi. Vì thế gọi là "*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*".

Câu tiếp theo là "*tùy tâm biến cố*" (do tùy tâm biến hiện vậy). Tất cả hết thảy tướng cảnh giới đều chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến, hai câu này được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Tâm có thể hiện tướng, thức có biến hóa. Lại đọc tiếp câu kế đó:

Tín trí tương tư, tha cảnh bất động, cố danh vi lực, tức tam-muội nghĩa.

信智相資，他境不動，故名為力，即三昧義。

(Tín và trí giúp lẫn nhau, cảnh khác chẳng dao động [tâm địa], nên gọi là Lực. Đấy chính là ý nghĩa của tam-muội).

Tín chính là chữ Giải đã được nói trong phần trước. Quý vị hiểu không sâu thì tín tâm sẽ chẳng sâu. Vì sao chúng ta hoài nghi Tây Phương Cực Lạc thế giới? Là vì quý vị hiểu chưa thấu triệt! Quý vị thật sự hiểu rõ thì làm sao mà không tin cho được? Nói trắng ra, thường những người tu Tịnh Độ tín tâm có vấn đề lớn, chủ yếu là do nhận thức chưa thấu triệt. Cuối năm ngoái, chúng tôi hoàn tất lớp bồi huấn tại Tân Gia Ba, lớp bồi huấn chỉ có một môn học là Vô Lượng Thọ Kinh. Học sinh gồm hai mươi tám người, hai mươi tám người đều học Vô Lượng Thọ Kinh, mỗi một người đều phải học giảng, mỗi một người phải giảng hai lượt. Lần thứ nhất là giảng tiểu tòa, tức là chính mình giảng cho các đồng học nghe, giảng xong tiếp nhận lời phê bình của quý vị đồng học. Lần thứ hai là giảng đại tòa, tức lên tòa giảng, giảng cho đại chúng, giảng hai lượt. Mỗi người giảng hai lượt. Hai mươi tám người, trong vòng ba tháng, các quý vị hãy nghĩ xem, hơn năm mươi lần!

Trong ba tháng, được huân tập hơn năm mươi lần, họ có tin hay không? Chẳng tin cũng phải tin! Hơn nữa, tín tâm của họ so với những người khác kiên cố hơn nhiều lắm. Bởi lẽ được huân tập hơn năm mươi lần trong ba tháng, rất rõ ràng rồi! Rất minh bạch rồi! Lý luận, phương pháp, cảnh giới ấy, nhân nhân, quả quả đều rõ ràng, đều minh bạch hết, điều ấy hoàn toàn khẳng định, tín tâm kiên định, đây là cái hay của "thâm nhập một môn".

Quý vị đồng tu nghe Vô Lượng Thọ Kinh có nghe tới năm mươi lần hay không? Vẫn có những hạng người nghe một lần xong, giảng lần thứ hai họ không muốn nghe nữa, [họ nói] "kinh này tôi đã nghe rồi!" Vì nguyên nhân nào? Thiện căn mỏng cạn! Chẳng thể thành tựu ngay trong một đời này được! Nếu như cùng là một bộ kinh vẫn rất vui thích nghe, lần nào cũng đều có hứng thú, thiện căn sâu dày đấy! Người ấy quyết định thành tựu ngay trong một đời. Thời cổ có những vị đại đức giảng kinh, một bộ kinh có thể nghe bao nhiêu lần? Thật chẳng dễ dàng cho lắm! Ở chỗ nào có pháp sư giảng kinh này, họ muốn tới nghe, họ phải đi khắp nơi hỏi dò. Một vị pháp sư giảng lập lại mấy lần, không nhiều lắm. Hiện thời thuận tiện hơn, hiện thời có băng thanh âm, có băng thanh hình. Quý vị có thể nghe đi nghe lại không ngừng, nghe xong một lần lại nghe thêm lần nữa! Đạo tràng Tịnh tông chân chánh phải để xứng thâm nhập một môn; không những niệm Phật là phương pháp duy nhất mà giảng kinh cũng chỉ giảng một bộ kinh. Một bộ kinh giảng xong, lại giảng từ đầu, vĩnh viễn chẳng thay đổi, đây là đạo phong, là học phong khiến cho tứ chúng đồng tu trong đạo tràng ấy kiên định tín nguyện, thật thà niệm Phật, ai nấy đều thành tựu!

Do vậy, Tín và Trí "tương tư", tức là giúp cho nhau thành tựu. Trí quyết đoán, giúp cho lòng tin của quý vị. Tín giúp cho trí. "Tha cảnh bất động": Đối với những cảnh giới khác, [tâm địa] quyết chẳng lay động, đây là có sức vậy! Sức ấy chính là Ngũ Lực trong ba mươi bảy đạo phẩm, là sức lực do ngũ căn của quý vị sanh ra, sức ấy chính là tam-muội, tam-muội là Định, chẳng dao động. Đây là ý nghĩa được chứa đựng trong câu nói này. Câu tiếp theo:

Dư tứ cú biệt thích thượng tổng cú.

餘四句別釋上總句。

(Bốn câu còn lại là lời giải thích riêng biệt cho những câu nêu vấn đề tổng quát trong phần trước).

Bốn câu sau như vừa mới nói là nhằm giải thích cho một câu này. Đây là cách sử dụng của chúng.

Nhất, tín nhãn thanh tịnh, thích thượng tín quyết định nghĩa.

一信眼清淨，釋上信決定義。

(Một là tín nhãn thanh tịnh, nhằm giải thích ý nghĩa lòng tin quyết định đã được nói trong phần trước)

Tín tâm của người ấy quyết định. Ngài Thanh Lương chú giải hay quá! Câu kể tiếp thật rõ ràng, thật minh bạch!

Vị dục tu Niệm Phật tam-muội, tiên đương chánh tín.

謂欲修念佛三昧，先當正信。

(Nghĩa là muốn tu Niệm Phật tam-muội thì trước hết phải chánh tín).

Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội. Trăm ngàn tam-muội, vô lượng tam-muội đều chẳng bằng Niệm Phật tam-muội. Thưa quý vị, hễ đắc Niệm Phật tam-muội thì vô lượng tam-muội đều đạt được hết. Quý vị tu các thứ tam-muội khác, quý vị chỉ đạt được một phần, chẳng thể đạt đến viên mãn. Chỉ có Niệm Phật tam-muội là quý vị đạt được đại viên mãn; nhưng Tín là trọng yếu nhất!

Tín dữ giải câu, cố danh vi nhãn.

信與解俱，故名為眼。

(Tín và giải đều có nên gọi là "mắt")

"Mắt" ở đây là nói tỷ dụ, "*tín nhãn thanh tịnh*" là tỷ dụ. Đủ thấy lòng tin của vị ấy chẳng phải là mê tín, mà là thật sự thấu triệt hiểu rõ nên mới tin tưởng. Vì thế, lòng tin này là thanh tịnh tâm, quyết định không có nghi hoặc, sự lý, nhân duyên đều rõ ràng, đây là "*tín nhãn thanh tịnh*".

Tắc liễu kiến phân minh. Do hữu tín trí, ư thật đức năng, thâm nhãn nhạo dục, linh tâm đẳng tịnh, cố danh thanh tịnh.

則了見分明。由有信智，於實德能，深忍樂欲，令心等淨，故名清淨。

(Thì sẽ thấy rõ ràng. Do có tín trí, nên đối với thật đức năng, thâm nhãn, ưa thích, khiến cho tâm trong sạch, bình đẳng, nên gọi là thanh tịnh)

Sự lý nhân quả thảy đều hiểu rõ. Trong Tín có Trí, trong Trí có Tín, cho nên "*ư thật đức năng*" (nơi thật đức năng). Trong tựa đề bộ kinh này "*thật đức năng*" được gọi là Đại Phương Quảng, hoặc như chúng ta thường nói là Thể - Tướng - Dụng. Thật là chân thật, là Thể. Đức là tướng, hiển thị tướng trạng. Chúng ta gọi là y báo, chánh báo trang nghiêm, tức y báo, chánh báo

trang nghiêm của bốn cõi trong Nhất Chân pháp giới. Trong mười pháp giới cũng có y báo, chánh báo trang nghiêm, Tướng đấy! Năng là tác dụng. Do vậy, "thật đức năng" là Thể - Tướng - Dụng. Thể - Tướng - Dụng thì bất cứ vật nhỏ nhất nào, [chẳng hạn như] một hạt vi trần, cũng có Thể - Tướng - Dụng. Y báo nhỏ nhất, chánh báo nhỏ nhất, trong kinh Phật thường nói: Đầu sợi lông, lỗ chân lông cũng có Thể - Tướng - Dụng. Đấy là vật nhỏ, còn lớn thì sao? Hư không, pháp giới, tận hư không, trọn pháp giới cũng có Thể Tướng Dụng của nó. Vì thế, ba chữ "thật đức năng" bao gồm trọn hết Thể - Tướng - Dụng của của hết thảy pháp thể gian lẫn xuất thế gian, quý vị đều hiểu rõ, đều thông đạt.

"*Thâm nhãn*", nhãn này chẳng cạn, rất sâu! Thâm nhãn thì đương nhiên quý vị chẳng bị lay động, như tôi vừa mới nói đó, trong hết thảy pháp quý vị thật sự có thể chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. "*Nhạo dục*": Nhạo là hoan hỷ, ưa thích. Ưa thích là pháp hỷ đấy! Do đâu có? Do quý vị thông đạt, hiểu rõ hết thảy. Đấy là sự hoan hỷ chân chánh. "*Dục*" là nói quý vị khởi tác dụng, tác dụng gì? Tùy loại hiện thân trong mười pháp giới, chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát, phổ độ chúng sanh. Dùng chữ Dục để tượng trưng, chứ không phải thật sự có Dục. Nếu thật sự có dục như vậy thì sẽ biến thành phàm phu. Tuy ở trong mười pháp giới, hiện thân thuyết pháp độ chúng sanh, nhưng trong tâm vẫn như không hề có chuyện ấy, hai bên Có và Không đều chẳng trụ. Nếu chính mình nhập được cảnh giới ấy, thấy còn có nhiều chúng sanh đang chịu khổ, chịu nạn, họ có duyên với ta, ta đến giúp họ, họ sẽ tin tưởng. Nếu quý vị chẳng chịu tới giúp họ là quý vị sai lầm rồi!

Quý vị phải biết "*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*". Quý vị không có duyên với họ, quý vị chẳng độ họ được! Quý vị với họ rất xa cách, không có cách gì kề cận được; vì thế, chúng ta trong vô lượng kiếp đến nay kết duyên với hết thảy chúng sanh, bất kể là thiện duyên hay ác duyên đều được, chỉ cần có duyên thì khi thành Phật sẽ độ được họ. Nếu quý vị không có duyên với họ thì một tí xíu biện pháp cũng không có. Thiện duyên thì tốt, mà ác duyên cũng được, phải biết điều này! Chỉ cần có duyên thì có cơ hội ấy, có thể phổ độ, phải hiểu đạo lý ấy. Do vậy, bốn chữ "*thâm nhãn nhạo dục*" này ý nghĩa rất sâu, rất rộng.

"*Linh tâm đẳng tịnh*": Đẳng là bình đẳng; bình đẳng thanh tịnh thì mới gọi là thanh tịnh. Vì thế trong sự thanh tịnh ấy, có ý nghĩa bình đẳng. Đây chính là như trong tựa đề Vô Lượng Thọ Kinh, thanh tịnh, bình đẳng, giác.

Nhị, trí quang chiếu diệu, thích thượng trí quyết đoạn nghĩa.

二智光照曜，釋上智決斷義。

(Hai là trí quang chiếu rạng, nhằm giải thích ý nghĩa trí quyết đoạn trong phần trên).

Ở đây, đại sư dùng một ý nghĩa của kinh Văn Thù Bát Nhã chứ không phải là dẫn hoàn toàn kinh văn, nhưng ý nghĩa này lấy từ kinh văn. Vì thế...

Ý vân

意云。

(Có ý nói).

Ngài không nói "*kinh vân*" (kinh chép). Nếu là "*kinh vân*" thì phải hoàn toàn là văn tự trong kinh; "*ý vân*" thì sao? Tách khỏi văn tự của kinh, lấy ý nghĩa của một đoạn được chép trong kinh Bát Nhã.

Dục nhập Nhất Hạnh tam-muội, tiên văn Bát Nhã, như thuyết tu học, nhiên hậu năng nhập.

欲入一行三昧，先聞般若，如說修學，然後能入。

(Muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội thì trước hết nghe Bát Nhã, tu học đúng như lời dạy, rồi sau đấy mới nhập được)

Đây là ý được giảng trong kinh Bát Nhã. Quý vị muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội, Nhất Hạnh tam-muội này chính là như chúng ta nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật thì là Nhất Hạnh tam-muội. Phải "*trước hết nghe Bát Nhã*", quý vị không có trí huệ Bát Nhã thì quý vị niệm Phật bị chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Hoài nghi, xen tạp, gián đoạn, quý vị có những thứ chướng ngại ấy. Đây là lý do vì sao hồi đầu năm ngoái, chúng tôi phải tốn một thời gian dài để giảng kinh Kim Cang một lượt như vậy. Có rất nhiều người đến hỏi tôi, họ nói: "Thưa pháp sư! Chẳng phải là thầy chuyên hoằng dương Tịnh Độ ư? Sao thầy lại giảng kinh Kim Cang?" Tôi bảo họ: "Tôi giảng kinh Kim Cang vẫn là giảng A Di Đà Phật!" Nguyên nhân là vì mọi người niệm Phật công phu không đặc lực, vì sao không đặc lực? Không thấy thấu suốt, không buông xuống được. Kinh Kim Cang giảng những điều nhằm dạy chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống, sau đấy thật thà niệm Phật thì sẽ thành công. Nếu quý vị không thấy thấu suốt, không buông được, quý vị sẽ chẳng thể thật thà [niệm Phật] được! Chẳng thật thà niệm Phật thì chỉ kết duyên với A Di Đà Phật, sẽ không thể vãng sanh trong một đời này! Vì vậy, không thể nào chẳng giảng kinh Bát Nhã một lượt, đạo lý là đây!

Hiện thời vào mỗi thứ Năm, tôi giảng Bát Nhã Cương Yếu ở Hàng Châu Nam Lộ, cũng nhằm ý nghĩa này. Kinh Đại Bát Nhã phân lượng quá lớn, quá

thật là đọc một lượt cũng rất khó khăn rồi. Con người hiện thời thấy bộ kinh quá lớn, chẳng muốn đọc nữa. Do vậy, vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Cát Ca rất hy hữu! Cụ đã đem sáu trăm quyển đúc kết thành mười quyển, trích yếu những câu tinh hoa trong ấy, trích lục lại, trích lấy những câu trọng yếu nhất. Những khai thị trong ấy đều trích lục ra, biến thành mười quyển. Chúng tôi đọc tác phẩm ấy thấy rất hữu dụng, rất thuận tiện, chẳng lãng phí thời gian. Nay chúng tôi giảng tác phẩm ấy, vẫn là tuyển giảng, chứ không phải là giảng hoàn toàn. Chọn lọc lấy những phần rất trọng yếu, rất hữu ích cho người niệm Phật chúng ta, rồi giảng giải phần kinh văn ấy nhằm khích lệ lẫn nhau. Bởi vậy, "*trước hết nghe Bát Nhã*" rất trọng yếu.

"*Như thuyết tu hành, nhiên hậu năng nhập*" (Tu hành đúng như lời dạy, rồi sau đấy mới có thể nhập được): Thật ra, trong kinh Bát Nhã, đến cuối cùng, quy kết về một câu gồm ba chữ "*bất khả đắc*" (chẳng thể được). Tất cả hết thảy pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều bất khả đắc. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng bất khả đắc. Quý vị thật sự nhập được "*bất khả đắc*" thì thừa với quý vị, tận hư không, trọn pháp giới quý vị đều đắc hết. Quý vị nghĩ có thứ gì để đạt được thì sẽ chẳng được gì hết! Nếu quý vị thật sự hiểu "*hết thảy đều bất khả đắc*" thì quý vị sẽ đạt được hoàn toàn. Mọi người hãy chú tâm suy tưởng đạo lý ấy. Tiếp theo là:

Ngôn nhất hạnh giả, nhất pháp giới hạnh.

言一行者，一法界行。

(Nói "nhất hạnh" là nói tới "nhất pháp giới hạnh").

"*Nhất pháp giới hạnh*" chính là Nhất Chân pháp giới.

Diệc vô nhất cố.

亦無一故。

(Mà cũng không có một)

Điều này rất khẩn yếu. Đây là ý nghĩa trong kinh Bát Nhã, quý vị vẫn còn có quan niệm Nhất thì đã trật rồi! Quý vị trọn chẳng nhập Nhất pháp giới, "*nhất*" trong Nhất pháp giới cũng không có, rỗng không đến tột cùng! Chúng ta không có cách nào nhập, thật thà niệm Phật là được rồi. Đến được thế giới Cực Lạc thì sẽ nhập, thấy được A Di Đà Phật chính là nhập. Đây chính là biện pháp tốt đẹp.

Cổ bi kinh vân: "*Pháp giới nhất tướng, hệ duyên pháp giới*", tức thị thủ trung quyết định giải nghĩa.

故彼經云，法界一相，繫緣法界。即是此中決定解義。

(Vì thế, kinh ấy (tức kinh Bát Nhã) nói “pháp giới nhất tướng, hệ duyên pháp giới” chính là nghĩa quyết định giải ở đây)

“*Pháp giới nhất tướng*”: “*Pháp giới nhất tướng*” được nói ở đây chính là mười pháp giới và Nhất Chân pháp giới, cũng là như chúng ta thường nói pháp thể gian và xuất thể gian cùng một tướng. “*Một tướng*” ấy là tướng gì? Không tướng, bất khả đắc tướng. “*Hệ duyên pháp giới*” là pháp tu của bậc Pháp Thân đại sĩ. Đây mới là quyết định thẳng giải chân chánh. Mà cũng là nói hết thảy pháp thể gian và xuất thể gian trọn chẳng thể được, tuy trọn chẳng thể được, nhưng họ có làm hay không? Làm! Vì sao phải làm? Do lợi ích hết thảy chúng sanh mà làm. Tuy lợi ích hết thảy chúng sanh, nhưng nói thật ra là “làm nơi không làm”. Làm mà không làm, không làm mà làm, làm và không làm đồng thời. Chúng ta rất khó hiểu được điều này, họ có “làm”, nên chẳng rớt vào Không, họ có “*không làm*” nhưng chẳng trụ vào Có; hai đấng Không và Có đều chẳng trụ. Đây là tác dụng tự tại của chư Phật, Bồ Tát, thật sự đắc đại tự tại.

Chẳng giống như phàm phu chúng ta, chúng ta tách rời “làm” và “không làm” thành hai chuyện, không có biện pháp gì để gom thành một chuyện; đối với các vị Pháp Thân đại sĩ [hai thứ ấy] là một chuyện. Làm điều gì? Lên sân khấu biểu diễn, diễn cho thật giống. Diễn điều gì? Làm mẫu cho chúng sanh, nêu gương! Nói “không làm” là sao? Những gì họ biểu diễn tuyệt đối chẳng phải là do ý tưởng của chính họ. Giống như diễn viên lên sân khấu biểu diễn, dựa theo kịch bản để diễn. Kịch bản bảo họ làm động tác gì họ liền làm động tác ấy; bảo họ nói gì, họ bèn nói nấy, không có một động tác, một câu nói nào là do ý tưởng của chính mình. Vì thế, họ không làm. Nhưng biểu diễn thật giống nên họ có làm. Làm và không làm là một, chứ không phải hai. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới là biểu diễn, chẳng phải là thật, là giả đấy! Ý nghĩa này rất sâu! Phần tiếp theo:

Hựu hiển chư Phật đẳng vô nhị cố.

又顯諸佛等無二故。

(Lại tỏ rõ chư Phật bình đẳng vô nhị vậy).

Chư Phật bình đẳng vô nhị. “*Chư Phật*” ở đây [là như] tỳ-kheo Cát Tường Vân chính là Phật. “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Do vậy, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ được gọi là chư Phật. Chữ “*chư*” ở đây chỉ bốn mươi một địa vị có cùng một ý nghĩa với kinh Kim Cang. Hôm nay tôi hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh
Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương
Phần 2 hết

^{4[1]} Trong tiếng Quan Thoại, nếu một chữ có nhiều âm, tùy theo âm đọc khác nhau mà có ý nghĩa khác nhau thì được gọi là Phá Âm Tự. Chữ Giải có hai cách đọc khác nhau nên gọi là Phá Âm Tự.

^{5[2]} Gọi là đại tòa nhằm phân biệt với tiểu tòa. Giảng đại tòa là giảng cho công chúng, trong khi giảng tiểu tòa nhằm tập giảng, giảng cho đồng học hay các đạo hữu quen biết để họ giúp ý kiến nhận xét nhằm giảng hay hơn.

^{6[3]} Năng là chủ thể tác động, Sở là đối tượng được cảm nhận, được nhận biết, bị tác động. Chẳng hạn như khi ta nhìn một bông hoa, Nhãn Thức nhận biết bông hoa ấy thì Nhãn Thức là Năng (do Nhãn Thức là một trong tám thức nên còn gọi là Tâm Vương), cái thấy của Nhãn Thức được gọi là Năng Kiến, còn bông hoa là đối tượng nhận biết của Nhãn Thức nên gọi là Sở, hay Sở Kiến (cái bị thấy).

